

TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP **4**

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống



DANH MỤC VIẾT TẮT TRONG TÀI LIỆU

HS:	Học sinh
GV:	Giáo viên
SGK:	Sách giáo khoa
SGV:	Sách giáo viên
HĐTN:	Hoạt động trải nghiệm
SHDC:	Sinh hoạt dưới cờ
HĐGDTCD:	Hoạt động giáo dục theo chủ đề
SHL:	Sinh hoạt lớp
CLBHS:	Câu lạc bộ học sinh
HĐSGH:	Hoạt động sau giờ học



MỤC LỤC

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

5

1. Bản chất và mục tiêu của Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học	5
1.1. Bản chất của Hoạt động trải nghiệm	5
1.2. Mục tiêu của Hoạt động trải nghiệm ở Tiểu học	6
2. Giới thiệu chung về sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm 4	7
2.1. Quan điểm tiếp cận, biên soạn sách	7
2.2. Giới thiệu, phân tích cấu trúc sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm 4 và cấu trúc một chủ đề trong sách	10
2.3. Những điểm khác biệt đáng lưu ý của sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm 4	16
2.4. Đề xuất phân phối chương trình Hoạt động trải nghiệm 4	22
3. Phương pháp và phương tiện triển khai các hoạt động trải nghiệm lớp 4	28
3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp tiến hành các hoạt động trải nghiệm	28
3.2. Một số phương pháp thường dùng trong hoạt động trải nghiệm	32
3.3. Phương tiện tổ chức các hoạt động trải nghiệm	36
4. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm	39
4.1. Bản chất của việc kiểm tra, đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm	39
4.2. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm	41
5. Giới thiệu tài liệu bổ trợ, nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị giáo dục của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	46
5.1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách giáo viên Hoạt động trải nghiệm 4	46
5.2. Giới thiệu vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 4	46
5.3. Hướng dẫn khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học	47

II. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM (KỊCH BẢN)

50

1. Quy trình thiết kế kế hoạch (kịch bản) hoạt động trải nghiệm với 4 loại hình được quy định trong Chương trình 50
 - 1.1. Quy trình Sinh hoạt dưới cờ 50
 - 1.2. Quy trình Hoạt động giáo dục theo chủ đề 54
 - 1.3. Quy trình Sinh hoạt lớp 54
 - 1.4. Nguyên tắc vận hành và quy trình tổ chức hoạt động các Câu lạc bộ cho học sinh tiểu học và các hoạt động ngoài lớp, trường học 55
2. Các kịch bản minh họa 58
 - 2.1. Kịch bản Sinh hoạt dưới cờ theo mô hình “trò chuyện theo chủ đề – giao lưu nhân vật” 58
 - 2.2. Kịch bản Hoạt động giáo dục theo chủ đề 60
 - 2.3. Kịch bản Sinh hoạt lớp 63
 - 2.4. Kịch bản sinh hoạt Câu lạc bộ học sinh 64
 - 2.5. Kịch bản trải nghiệm thực địa 67

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. BẢN CHẤT VÀ MỤC TIÊU CỦA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM Ở CẤP TIỂU HỌC

1.1. Bản chất của Hoạt động trải nghiệm

Nhóm tác giả bám sát cách hiểu về hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông: *Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hoạt động giáo dục do NHÀ GIÁO DỤC định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện. Hoạt động này tạo cơ hội cho HS TIẾP CẬN THỰC TẾ, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; từ đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kĩ năng mới, góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai.* (Trích Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018).

Từ đó xác định được các thời điểm sau trong một tiết HĐTN:

- **Thời điểm 1 – GỌI LẠI NHỮNG KINH NGHIỆM ĐÃ CÓ, KIẾN THỨC ĐÃ HỌC:** HS được gọi lại những kinh nghiệm cũ, kiến thức đã học, cảm xúc đã từng trải qua để tạo động lực tiếp cận vấn đề thực tế mới, tham gia trải nghiệm.
- **Thời điểm 2 – TIẾN HÀNH HĐTN:** HS tham gia trải nghiệm trên lớp, ở trường dưới sự gợi ý, hướng dẫn của GV: thực hiện nhiệm vụ thực tế, trực tiếp tiếp xúc với sự vật, sự việc có thật, vận dụng các giác quan và vận dụng các kiến thức, kinh nghiệm, kĩ năng cũ để giải quyết vấn đề.
- **Thời điểm 3 – KIẾN THỨC MỚI:** HS chia sẻ những thu hoạch của mình sau trải nghiệm để từ đó cùng GV khái quát hoá những gì mình trải nghiệm thành kiến thức mới (những bí kíp, cách làm), thể nghiệm các cảm xúc mới, từ đó tạo động lực hành động thực tế ngoài nhà trường.
- **Thời điểm 4 – VẬN DỤNG VÀO CUỘC SỐNG:** HS vận dụng kiến thức mới, kĩ năng mới vào thực tế cuộc sống cá nhân và cộng đồng với sự hỗ trợ của cha mẹ HS, ở mức cao hơn là lời cuốn cha mẹ HS, người thân, cộng đồng (hàng xóm, người quen) cùng tham gia các hoạt động của mình.

1.2. Mục tiêu của Hoạt động trải nghiệm ở Tiểu học

– Mục tiêu chung:

+ Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp hình thành, phát triển ở HS năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp; đồng thời góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung quy định trong Chương trình tổng thể.

+ Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp giúp HS khám phá bản thân và thế giới xung quanh, phát triển đời sống tâm hồn phong phú, biết rung cảm trước cái đẹp của thiên nhiên và tình người, có quan niệm sống và ứng xử đúng đắn, đồng thời bồi dưỡng cho các em tình yêu đối với quê hương, đất nước, ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc để góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị tốt đẹp của con người Việt Nam trong một thế giới hội nhập.

+ Hoạt động trải nghiệm hình thành cho HS thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày, chăm chỉ lao động; thực hiện trách nhiệm của HS ở nhà, ở trường và địa phương; biết tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân; hình thành những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá; có ý thức hợp tác nhóm và hình thành được năng lực giải quyết vấn đề.

– Mục tiêu của mỗi tiết HĐTN cụ thể:

+ Tạo điều kiện cho HS *tiếp cận thực tế* ở mức cao nhất.

+ Tạo điều kiện cho HS *huy động tổng hợp những kiến thức* nhận được từ các môn học khác, vận dụng các kinh nghiệm đã có để xử lý tình huống, hoàn thành nhiệm vụ cụ thể được giao.

+ HS *thể nghiệm các cảm xúc tích cực* với bạn bè, thầy cô, tập thể, gia đình, cộng đồng trong quá trình tham gia HĐTN như yêu thương, gắn bó, biết ơn, cảm phục; HS đồng thời vượt qua được những khó khăn của riêng mình để có được niềm vui và sự tự hào về bản thân – đó là chìa khoá quan trọng tạo động lực hành động; thay đổi, duy trì hành động, hình thành thói quen và lối sống tích cực.

+ *Kết nối gia đình, nhà trường và xã hội*. Việc “trải nghiệm” của HS sẽ không chỉ diễn ra trong lớp, trong trường mà môi trường trải nghiệm phải mở rộng đến cả ngoài nhà trường, ở gia đình, trên đường phố, ngoài đồng ruộng và nhiều không gian khác. HĐTN giúp kết nối gia đình, nhà trường và xã hội, tạo được sự liên hệ mật thiết giữa GV và cha mẹ HS; khuyến khích người thân quan tâm và cùng tham gia trải nghiệm với con em mình theo gợi ý của GV; kết nối nhà trường với các cơ quan đoàn thể, các tổ chức xã hội, cộng đồng nhằm hỗ trợ các HĐTN của HS trong những không gian khác nhau.

2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 4

2.1. Quan điểm tiếp cận, biên soạn sách

2.1.1. Quan điểm phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh

- Về *phẩm chất*, tập trung xây dựng các HĐTN tạo điều kiện hình thành và phát triển các phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Chăm chỉ; Trung thực; Trách nhiệm.
- Về *năng lực*, rèn luyện những năng lực chung được nhấn mạnh ở Chương trình tổng thể như năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Với HS lớp 4, cần chú trọng vào những năng lực cụ thể gồm năng lực thích ứng với cuộc sống; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động; năng lực định hướng nghề nghiệp.

2.1.2. Quan điểm bám sát thực tế cuộc sống và phù hợp với lứa tuổi

- Mỗi hoạt động, nhiệm vụ được đề xuất luôn *tạo điều kiện cho HS tiếp cận thực tế cao nhất*, từ đó mới *nảy sinh tình huống* thật chứ không giải quyết mọi việc trên tình huống giả định, trên tranh.
- Việc chuyển hoá kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm đã có thành kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm mới phải diễn ra sau khi HS đã tham gia *trải nghiệm bằng các giác quan, vấp phải khó khăn cụ thể, giải quyết khó khăn ấy*, có chia sẻ phản hồi, thảo luận với thầy cô và các bạn.
- Những kiến thức, kĩ năng mới cũng không áp đặt từ ý chí và kinh nghiệm của người biên soạn sách mà do *thầy cô dựa trên những gợi ý cơ bản của người viết sách để cùng HS khái quát, rút ra kết luận từ những trường hợp cụ thể, thực tế của HS* với đặc điểm riêng biệt của từng địa phương.

2.1.3. Quan điểm tạo động lực để HS hào hứng tham gia hoạt động do thầy cô hướng dẫn trên lớp, đồng thời sẵn sàng hành động thực tế, tích cực trải nghiệm cuộc sống bằng tất cả các giác quan. Điều này thể hiện ở:

- *Đề cao sự tham gia của HS, có tính tương tác cao*: Dùng hình thức kể chuyện tương tác, diễn kịch tương tác, đọc thơ tương tác có sự tham gia tích cực của HS. HS được quyền đưa ra ý kiến, nghĩ thêm tình tiết, nhân vật hoặc nội dung lời thoại; HS đọc thơ theo cách đọc – đáp với GV, kết hợp với động tác cơ thể.
- *Chú trọng tính cá thể, khác biệt*: Ví dụ, mục “Hoạt động sau giờ học” với biểu tượng  trong SGK HĐTN 4 không giống với “Bài tập về nhà” hay “Hoạt động vận dụng” ở các môn học khác. HS sẽ được lựa chọn hành động khả thi, phù hợp với nhu cầu, mong muốn và điều kiện cá nhân, điều kiện gia đình mình, được toàn quyền lựa chọn thời gian và phương thức thực hiện. Quá trình “lựa chọn” ấy được GV định hướng và hỗ trợ bằng những đề xuất và gợi ý.

– *Chú trọng tính đa dạng trong quá trình biên soạn sách:*

+ *Đa dạng hoá các loại hình hoạt động:* Theo quy định của Chương trình, bản thân HĐTN đã được thiết kế rất đa dạng với 4 loại hình hoạt động chính: *Sinh hoạt dưới cờ* (thứ Hai hằng tuần); *Hoạt động giáo dục theo chủ đề* (trên lớp, giữa tuần); *Sinh hoạt lớp* (cuối tuần); hoạt động *Câu lạc bộ học sinh* (ngoài giờ). SGK không bao gồm các hoạt động CLB nhưng những nội dung ở mục SHDC cũng đã phần nào đưa ra gợi ý cho hoạt động CLB. Ngoài ra, “hoạt động dã ngoại cùng người thân” được thiết kế trong một số nhiệm vụ về nhà cũng là loại hình hoạt động quan trọng, liên quan mật thiết đến các nội dung do GV tiến hành trên lớp.

+ *Đa dạng hoá các phương thức và phương pháp tổ chức hoạt động:* Thiết kế các HĐTN theo 4 phương thức tổ chức chính được nhắc tới trong Chương trình. Đó là Phương thức khám phá; Phương thức thể nghiệm, tương tác; Phương thức cống hiến; Phương thức nghiên cứu.

Đối với đối tượng HS tiểu học, nhóm tác giả đặc biệt nhấn mạnh việc thay đổi các hình thức hoạt động:

- Quan sát, dự đoán, đặt câu hỏi khám phá, đọc thêm thông tin;
- Thí nghiệm, thực nghiệm;
- Thảo luận, khảo sát, lập kế hoạch;
- Kể chuyện, diễn tiểu phẩm, đọc thơ tương tác;
- Vẽ tranh, chụp ảnh, viết hoặc vẽ một thông điệp;
- Lập sơ đồ tư duy, làm bảng thông tin, báo tường;
- Trò chơi giáo dục, sắm vai để xử lý tình huống;
- Nhảy múa, hát, đồng diễn thể dục, võ thuật;
- Giao lưu nhân vật, phỏng vấn;
- Sưu tầm đồ vật, sưu tầm bài hát, câu ca dao;
- Làm cảm nang, sổ tay, tờ rơi, áp phích cổ động;
- Dự án chung của nhóm (tổ), tham gia các góc của Ngày hội, Hội chợ,...

– *Các dạng nhiệm vụ cũng được đưa ra đa dạng:* nhiệm vụ dành cho cá nhân; nhiệm vụ dành cho cặp đôi; nhiệm vụ dành cho hoạt động nhóm; nhiệm vụ dành cho tổ; nhiệm vụ dành cho cả lớp.

– *Đa dạng hoá các hình thức nhận phản hồi và phản hồi của phản hồi; thu hoạch sản phẩm:* HS có thể chia sẻ theo cặp đôi, theo nhóm, theo tổ hoặc viết, vẽ vào những tờ bìa thu hoạch. HS cũng có thể tham gia trưng bày sản phẩm (triển lãm), làm các cuốn cảm nang nhỏ, tờ rơi, vẽ các bức tranh, sơ đồ tư duy và trình bày trước lớp. Với HS

lớp 4, nhóm tác giả định hướng để HS hoàn thiện kĩ năng lập sơ đồ tư duy, các thao tác phân loại, rèn luyện tư duy khoa học, trong đó đặc biệt nhấn mạnh hoạt động lập kế hoạch chung cho một hoạt động hoặc một dự án, giao nhiệm vụ để mỗi cá nhân tự lực thực hiện nhiệm vụ của mình. Thông qua hoạt động này, HS rèn luyện kĩ năng đối mặt với khó khăn, tự đặt câu hỏi để tìm ra phương án vượt khó một cách sáng tạo; rèn luyện kĩ năng trao đổi, chia sẻ với nhóm để hỗ trợ nhau đưa ra quyết định chính xác, phù hợp.

- Đề xuất nhiều phương án, góc độ, hình thức đánh giá và tự đánh giá HĐTN của cá nhân, tập thể và gia đình.

- *Đa dạng hoá các phương tiện tiến hành HĐTN*: Ngoài các phương tiện tối thiểu được quy định trong Chương trình và Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2021, các tác giả hướng dẫn và đề xuất cách lựa chọn, sưu tầm các vật dụng, sự vật lấy từ cuộc sống thực tế phục vụ cho việc tiến hành HĐTN.

2.1.4. Quan điểm “mở” – Khuyến khích sự chủ động, sáng tạo, linh hoạt của GV

Đây là quan điểm quan trọng, là đặc trưng của việc biên soạn SGK theo định hướng phát triển năng lực.

- *Khuyến khích sự chủ động, sáng tạo, linh hoạt của GV* trong việc thiết kế và tổ chức hoạt động tùy theo trình độ và đặc điểm khác biệt của HS, năng lực và sở trường của GV, phù hợp với điều kiện văn hoá, kinh tế, xã hội và yêu cầu giáo dục của vùng, miền, địa phương; phù hợp với thời lượng hoạt động và cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của nhà trường, lớp học. GV có thể linh hoạt thay đổi một phần hoặc thay thế một vài hoạt động trong tiết HĐTN dựa trên các quy trình được trình bày trong SGK.

- *Tạo điều kiện cho sự chủ động* của nhà trường: Nhà trường có thể linh hoạt lựa chọn các chủ đề khi đề xuất kế hoạch dạy học cả năm.

- Điều này thể hiện ở:

- + Việc lựa chọn nội dung có tính bao quát cao, khả thi ở hầu hết các vùng miền;

- + Việc đề xuất nhiều phương án hoạt động để lựa chọn;

- + Sự giản dị của những thiết bị, công cụ trải nghiệm dễ làm, dễ thiết kế, thân thiện với HS, hoàn toàn có thể thay thế bằng những vật phẩm có ý nghĩa tương đương tùy điều kiện địa phương: bìa, quả bóng gai, quả chuông, mi-crô bằng bìa mô phỏng mi-crô thật,...

2.1.5. Quan điểm tích hợp – Bản chất của HĐTN trong nhà trường là tạo cơ hội cho HS TIẾP CẬN THỰC TẾ, *thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao...* (trích Chương trình).

Vì thế, nhóm tác giả có tham khảo nội dung giáo dục và yêu cầu cần đạt của các môn học và hoạt động giáo dục khác để

HS có điều kiện vận dụng kiến thức, kĩ năng của các môn học đó trong hoạt động trải nghiệm ở tất cả các loại hình của HĐTN.

2.1.6. Quan điểm kế thừa, liên thông – Với các nội dung hoạt động cụ thể của mỗi chủ đề có chung Yêu cầu cần đạt ở lớp 4, nhóm tác giả đã có ý thức tạo sự kết nối lô-gíc với những nội dung đã soạn ở lớp 1, 2, 3. VD: Lớp 1, HS xây dựng cảm xúc với đồ dùng học tập của mình, rèn luyện kĩ năng quản lí đồ dùng, không đánh mất đồ dùng học tập (*Góc học tập của em*). Lớp 2, HS thực hiện chăm sóc đồ dùng học tập hằng ngày, biết tự sắp xếp đồ dùng cá nhân mang theo trong các chuyến đi cùng tập thể, cùng gia đình (*Hành trang lên đường*). Đến lớp 3, HS biết sử dụng các vật dụng cần thiết, biết phân loại đồ dùng để sống ngăn nắp... (*Tự sắp xếp đồ dùng ngăn nắp; Góc nhà thân thương; Nhà sạch thì mát;...*). Với HS lớp 4, các em được hướng dẫn để tự mình nhìn thấy việc cần làm và tự lực thực hiện nhiệm vụ cá nhân của mình ở trường và ở nhà, trong đó có hoạt động chăm sóc trường lớp xanh, sạch, đẹp và làm việc nhà (*Tự lực thực hiện nhiệm vụ; Yêu trường, mến lớp*).

Ngoài ra, 9 chủ đề lớn của HĐTN ở lớp 4 có sự tương đồng với 9 chủ đề lớn ở HĐTN các lớp trước với các mạch nội dung nhỏ.

2.2. Giới thiệu, phân tích cấu trúc sách giáo khoa *Hoạt động trải nghiệm 4* và cấu trúc một chủ đề trong sách

2.2.1. Giới thiệu chung về cấu trúc sách giáo khoa *Hoạt động trải nghiệm 4*

– Mô hình cấu trúc SGK theo định hướng phát triển năng lực là mô hình hoạt động. Điều này phù hợp với Thông tư 33/2017/TT-BGDĐT.

– Nhóm tác giả cũng bám sát cách phân chia thời lượng tiết HĐTN ở lớp 4 theo hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học (Công văn số 3535 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 19/8/2019). Cụ thể như sau:

Một năm học có 105 tiết HĐTN theo Chương trình.

+ 35 tiết Sinh hoạt dưới cờ – nhóm lớn, quy mô trường;

+ 35 tiết Hoạt động giáo dục theo chủ đề – nhóm lớn, quy mô lớp học;

+ 35 tiết Sinh hoạt lớp.

Loại hình HĐTN theo các CLB HS với quy mô lớp học, nhóm lớp học, được tiến hành linh hoạt tùy theo điều kiện mỗi trường và là hoạt động ngoài giờ. Vì thế, nhóm tác giả không đưa nội dung này vào SHS mà mô tả, hướng dẫn triển khai trong SGV.

– Nhóm tác giả đã cụ thể hoá nội dung yêu cầu cần đạt của Chương trình, phát triển nội hàm của yêu cầu nhưng cố gắng thể hiện sự sáng tạo của người soạn sách HĐTN ở chỗ: tìm được những khía cạnh khác nhau của cuộc sống thực tế, những vấn đề thực tế, những tình huống thực tế đòi hỏi HS phải có được kiến thức, thái độ, kĩ năng nhất định để ứng phó, giải quyết (ứng với mục tiêu cần đạt của Chương trình).

2.2.2. Cấu trúc sách giáo khoa *Hoạt động trải nghiệm 4*

– Mục lục

– *Lời nói đầu*: Nhóm tác giả trình bày rõ ý nghĩa của từng mục nhỏ trong mỗi chủ đề của SGK để HS hiểu rõ nhiệm vụ của mình trong từng loại hình hoạt động (SHDC, HĐGDTCTĐ, SHL) và sẽ không ngạc nhiên nếu nội dung SHDC có thể thay đổi, không giống như mô tả trong sách.

– *9 chủ đề lớn* bao gồm 34 chủ đề nhỏ ứng với 34 tuần hoạt động thể hiện trọn vẹn các mạch nội dung mà Chương trình quy định: Hoạt động hướng vào bản thân, Hoạt động hướng đến xã hội, Hoạt động hướng đến tự nhiên, Hoạt động hướng nghiệp. Cách làm này tạo được mạch hoạt động mạch lạc, dễ theo dõi, vừa sức với HS giúp các em dễ nhớ thông điệp, dễ vận dụng các kỹ năng, kiến thức mới vào thực tế.

– *Tuần 35* là tuần diễn ra các hoạt động tổng kết năm học qua chủ đề “Hồ sơ trải nghiệm”: GV có thể tiến hành đánh giá kết quả trải nghiệm của HS thông qua hoạt động lập hồ sơ trải nghiệm cá nhân này. HS được hướng dẫn đánh giá kết quả HĐTN của mình thông qua định lượng (đếm những hoạt động hoặc sản phẩm đã thực hiện); thông qua việc dùng ngôn ngữ để nhắc lại những kỉ niệm, những điều ấn tượng nhất,... hoạt động chuẩn bị cho buổi họp phụ huynh cuối năm sẽ là hoạt động kết nối thầy cô, HS và phụ huynh, tạo cảm xúc tích cực, gắn gũi, gắn bó.

– *Kế hoạch trải nghiệm mùa Hè của HS*: Giống như các lớp trước, HS hoàn thiện kỹ năng lập kế hoạch của mình thông qua *Kế hoạch trải nghiệm mùa hè*. Những nội dung từng được thực hiện trong năm học cùng bạn bè, thầy cô sẽ được các em tiếp tục thực hiện với người thân vào mùa Hè.

– *Bảng thuật ngữ*: Mục này nhằm giải thích sơ bộ cách hiểu những từ ngữ khó được sử dụng trong sách. HS sẽ hiểu sâu hơn những từ ngữ này qua cách dẫn dắt hoạt động của GV.

2.2.3. Cấu trúc mỗi chủ đề trải nghiệm được thể hiện trong sách giáo khoa *Hoạt động trải nghiệm 4*

– Mục tiêu của chủ đề lớn: Mục tiêu và yêu cầu cần đạt của chủ đề, bám sát theo yêu cầu cần đạt của Chương trình.

– Mỗi chủ đề lớn được thực hiện trong 3 hoặc 4 tuần, tùy theo thời lượng mạch nội dung quy định của Chương trình.

– Mỗi tuần đều có 3 loại hình HĐTN được gắn kết thống nhất với cùng một nội dung xuyên suốt cả 3 loại hình: SHDC, HĐGDTCTĐ, SHL.

+ *Sinh hoạt dưới cờ*: Nội dung này được các tác giả đề xuất theo chủ đề thống nhất để nhà trường và thầy cô lựa chọn cho phù hợp với điều kiện và nội dung giáo dục của trường, của địa phương trong thời điểm đó. Nội dung này không bắt buộc, chỉ là gợi ý

để trên cơ sở đó, nhà trường đưa ra phương án hợp lý về nội dung hoạt động và phương thức hoạt động, vì thế, không nhất thiết phải đồng nhất với nội dung SHDC đã trình bày ở SGK.

+ *Hoạt động giáo dục theo chủ đề:* Trong SGK, HĐGDTCTĐ thể hiện các thời điểm của HĐTN theo thứ tự sau:

- **Thời điểm 1** của HĐTN, khi HS được gọi lại những kinh nghiệm cũ, kiến thức đã có, cảm xúc đã từng trải qua để tiếp cận vấn đề thực tế mới – hoạt động được đánh số 1 trong SGK. Đó có thể là chơi trò chơi, hát bài hát, nhảy điệu nhảy, xem tranh ảnh, xem đoạn phim, diễn tiểu phẩm tương tác, thảo luận, phỏng vấn,... Tuy nhiên, trong phần Hai mục B của cuốn sách này, nhóm tác giả cũng đưa ra các đề xuất để GV tham khảo nhằm tạo điều kiện cho GV có thêm các ý tưởng mới phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương.
- Trong SGK, thời điểm 2 và thời điểm 3 được thể hiện trong một hoạt động được đánh số 2, bao gồm hai bước:
 - ✓ **Thời điểm 2** của HĐTN, khi HS dưới sự hướng dẫn của thầy cô tiến hành một HĐTN, thông qua các giác quan và các thao tác tư duy, HS khám phá những nội dung trải nghiệm mà Chương trình đưa ra.
 - ✓ **Thời điểm 3** của HĐTN, khi các thầy cô mở rộng thêm tình huống, liên hệ thực tế cá nhân của HS, cùng HS khái quát các kỹ năng mới, kiến thức mới, tìm ra các bí kíp hỗ trợ việc trải nghiệm theo chủ đề.
- **Thời điểm 4** của HĐTN, khi HS sẵn sàng vận dụng những kỹ năng mới vào các HĐTN ngoài giờ lên lớp, cùng bạn bè, người thân và cộng đồng. Ở mục này, HS lựa chọn và lên kế hoạch và tự cam kết hành động. *Hoạt động sau giờ học* có lô gô .

+ *Sinh hoạt lớp:* Ngoài hoạt động tổng kết tuần vẫn thường diễn ra trong các tiết SHL, HS sẽ tham gia hai hoạt động trải nghiệm khác được thể hiện trong SGK.

- Thu hoạch, phản hồi: Chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm cá nhân sau khi đã thực hiện các nhiệm vụ, hành động mà HS đã nhận được từ tiết HĐGDTCTĐ. Hoạt động được đánh số 1.
- Hoạt động nhóm: HS cùng các bạn trong nhóm, tổ hoặc cả lớp thực hiện một hoạt động chung ở trên lớp hoặc trong khuôn viên trường, vận dụng những kỹ năng, kiến thức mới đã được khái quát từ tiết trải nghiệm trước. Đó có thể là các việc: Cùng thực hiện một công việc chung xây dựng trường, lớp như quét sân, tưới cây, nhổ cỏ, dọn dẹp lớp, trang trí tủ sách, trang trí tấm biển ghi khẩu hiệu kêu gọi bảo vệ môi trường; Cùng chơi những trò chơi vận động, trò chơi dân gian để tạo cảm giác thư giãn, vui vẻ, thoải mái, gần gũi với tổ, với lớp hơn; Cùng nhau xây dựng kế hoạch thực hiện dự án – thường những dự án này sẽ được thực hiện ở một thời điểm nhất định, không phải trong tiết trải nghiệm; Cùng nhau tập diễn kịch tương

tác, đọc thơ tương tác, kể chuyện tương tác hoặc tập hát, múa, phân công nhau chuẩn bị cho các ngày hội của trường hoặc cho các buổi SHDC mà lớp mình được giao nhiệm vụ cùng các thầy cô dẫn dắt. Hoạt động được đánh số 2.

- Mục HĐSGH sau buổi SHL là điều kiện hỗ trợ HS tiếp tục hành động, khắc phục khó khăn từng gặp, phát huy thành công của hoạt động trước để hành động đều đặn hơn, tạo cơ hội hành động trở thành thói quen, kĩ năng và lối sống tích cực của các em.
- *Tự đánh giá sau chủ đề* là hoạt động các em tự nhận xét kết quả HĐTN sau một chủ đề lớn.

Mỗi bông hoa được nhận, HS vẽ lại vào cuốn sổ hoặc vở bài tập. HS cũng có thể cắt dán vào cây trái nghiệm của mình nếu có thời gian. Kết quả trải nghiệm của mỗi HS sẽ khác nhau, HS không so sánh bạn nọ với bạn kia.

Với thao tác đánh giá thường xuyên, HS được tạo điều kiện nhận xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình, của nhóm, của các nhóm khác thông qua việc thực hiện dự án/ kế hoạch hoạt động.

2.2.4. Các chủ đề trong sách giáo khoa *Hoạt động trải nghiệm 4* bám sát 4 mạch nội dung được quy định trong Chương trình

Tên chủ đề/ Nội dung chi tiết	Mục tiêu
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN Hoạt động khám phá bản thân (4 tuần)	
Chủ đề: Nhận diện bản thân 1. Em tự hào về bản thân – Tự hào thể hiện khả năng của bản thân 2. Những việc làm đáng tự hào của em – Niềm tự hào trong tim 3. Khả năng điều chỉnh cảm xúc – Điều chỉnh cảm xúc 4. Suy nghĩ tích cực – Nghĩ tích cực, sống vui tươi	– Giới thiệu được đặc điểm, những việc làm đáng tự hào của bản thân. – Xác định được khả năng điều chỉnh cảm xúc và suy nghĩ của bản thân trong một số tình huống đơn giản.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN Hoạt động rèn luyện bản thân (12 tuần)	
Chủ đề: Nếp sống và tư duy khoa học 5. Nền nếp sinh hoạt – Giúp nhau thực hiện nền nếp sinh hoạt 6. Câu hỏi tìm hiểu thông tin – Rèn luyện tư duy khoa học	– Thực hiện được nền nếp sinh hoạt. – Bước đầu hình thành được thói quen tư duy khoa học trong sinh hoạt và học tập.

Tên chủ đề/ Nội dung chi tiết	Mục tiêu
7. Phân loại và sắp xếp hoạt động cá nhân – Triển lãm sơ đồ tư duy 8. Nếp sống khoa học – Tự đánh giá việc rèn luyện tư duy khoa học	
Chủ đề: Tự lực thực hiện nhiệm vụ 13. Chủ động lập kế hoạch – Chủ động thực hiện nhiệm vụ đọc sách 14. Luyện tập giới thiệu sách – Hợp tác thực hiện nhiệm vụ 15. Tự lực thực hiện nhiệm vụ ở trường – Vượt khó và sáng tạo 16. Tự lực thực hiện nhiệm vụ ở nhà – Đánh giá về khả năng tự lực	Tự lực thực hiện được nhiệm vụ của mình theo sự phân công, hướng dẫn.
Chủ đề: Phòng tránh bị xâm hại 21. Hành vi xâm hại trẻ em – Nhận diện nguy cơ xâm hại trẻ em 22. Hành vi xâm hại thân thể – Phòng tránh bị xâm hại 23. Hành vi xâm hại tinh thần – Chia sẻ những điều khó nói 24. Hành vi xâm hại tình dục – Phòng tránh bị xâm hại tình dục	– Nhận biết được nguy cơ bị xâm hại. – Thực hiện được những hành động để phòng tránh bị xâm hại.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI Hoạt động chăm sóc gia đình (4 tuần)	
Chủ đề: Mái ấm gia đình 17. Gắn kết yêu thương – Ngày cuối tuần yêu thương	– Biết tạo sự gắn kết yêu thương giữa các thành viên trong gia đình bằng những cách khác nhau.
18. Đồng hành bên nhau – Những khoảnh khắc hạnh phúc 19. Sử dụng tiền tiết kiệm cá nhân – Lựa chọn chi tiêu “Cần, muốn và có thể” 20. Chi tiêu tiết kiệm trong gia đình – Mua sắm thông minh	– So sánh được giá của các mặt hàng phổ biến trong sinh hoạt hằng ngày của gia đình và biết tiết kiệm cho gia đình. – Lựa chọn được mặt hàng muốn mua phù hợp với khả năng tài chính cá nhân và tài chính gia đình.

Tên chủ đề/ Nội dung chi tiết	Mục tiêu
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI Hoạt động xây dựng nhà trường (4 tuần)	
Chủ đề: Yêu trường, mến lớp 9. Thực trạng vệ sinh trường, lớp – Khảo sát thực trạng vệ sinh trường, lớp 10. Giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp – Hành động giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp 11. Tình bạn – Cam kết tình bạn 12. Thông điệp yêu thương – Tổ chức hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11	– Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh trường, lớp. – Thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp. – Lập và thực hiện được kế hoạch lao động trong nhà trường. – Nêu và đề xuất được cách giải quyết một số vấn đề thường xảy ra trong quan hệ với bạn bè. – Thực hiện được những lời nói, việc làm để duy trì và phát triển mối quan hệ với bạn bè, thầy cô.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG Hoạt động xây dựng cộng đồng (3 tuần)	
Chủ đề: Kết nối cộng đồng 25. Kết nối những người sống quanh em – Cộng đồng cùng hành động 26. Đền ơn đáp nghĩa – Uống nước nhớ nguồn 27. Ứng xử có văn hoá – Cộng đồng văn minh	– Đề xuất được một số hoạt động kết nối những người sống xung quanh. – Tham gia tích cực vào các hoạt động đền ơn đáp nghĩa và giáo dục truyền thống ở địa phương. – Thực hiện được hành vi có văn hoá nơi công cộng.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên (2 tuần) Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường (2 tuần)	
Chủ đề: Quê hương em tươi đẹp 28. Xây dựng Hành trình trải nghiệm – Hành trình trải nghiệm 29. Cảnh quan thiên nhiên quê hương em – Giới thiệu cảnh quan thiên nhiên ở địa phương 30. Khảo sát thực trạng cảnh quan thiên nhiên – Kết quả khảo sát thực trạng cảnh quan thiên nhiên 31. Chăm sóc, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên – Thực hiện kế hoạch chăm sóc, bảo vệ cảnh quan thiên	– Giới thiệu được với bạn bè, người thân về cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. – Thực hiện được một số việc làm cụ thể để chăm sóc, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.

Tên chủ đề/ Nội dung chi tiết	Mục tiêu
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP Hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp (3 tuần)	
Chủ đề: Trải nghiệm nghề truyền thống 32. Nghề truyền thống – Theo dấu nghề nhân 33. Khéo tay, thạo việc – Sản phẩm nghề truyền thống ở địa phương 34. Triển lãm “Theo dấu nghề nhân” – Tổng kết hoạt động “Theo dấu nghề nhân”	– Nêu được những thông tin cơ bản về nghề truyền thống ở địa phương. – Bước đầu thực hiện được một số công việc của nghề truyền thống ở địa phương và thể hiện được sự hứng thú với nghề truyền thống của địa phương. – Biết giữ an toàn trong lao động khi làm nghề truyền thống.
HOẠT ĐỘNG TỔNG KẾT	
Tổng kết, đánh giá và kế hoạch HĐTN mùa hè. 35. Hồ sơ trải nghiệm – Chia sẻ yêu thương	– Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng các HĐTN xuyên suốt cả năm bằng cách đếm các sản phẩm thu hoạch từ đầu năm đến thời điểm này. – Tham gia chuẩn bị cho buổi họp phụ huynh cuối năm, qua đó thể hiện các kỹ năng: lập kế hoạch, làm việc nhóm, trang trí, sử dụng dụng cụ an toàn,... – Lấy ý kiến phụ huynh về HĐTN cùng gia đình. – Hoàn thiện hồ sơ dự án HĐTN của cá nhân và mỗi nhóm trải nghiệm.

2.3. Những điểm khác biệt đáng lưu ý của sách giáo khoa *Hoạt động trải nghiệm 4*

2.3.1. Có sự kết nối lô-gíc với những nội dung ở lớp 2, 3, nhưng thể hiện đa dạng hơn về phương thức trải nghiệm

2.3.2. Rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng cá nhân của HS trong quá trình hoạt động nhóm

* SGK HĐTN lớp 1, 2, 3 chú trọng việc hình thành và rèn luyện các kỹ năng sau của HS:

- Nền nếp học tập.
- Làm việc nhóm.
- Các thao tác trải nghiệm cá nhân: quan sát, ghi chép, hành động, thảo luận/ chia sẻ.
- Chủ động lập kế hoạch hoạt động cá nhân, thực hiện và điều chỉnh hoạt động, tự đánh giá với các hoạt động cá nhân.

* Với các hoạt động được thiết kế trong SGK lớp 4 – các năng lực trên được hoàn thiện hơn và được rèn luyện trong quá trình hoạt động nhóm, thực hiện dự án:

- Hoàn thiện việc xây dựng nền nếp học tập một cách khoa học.
- Hoàn thiện kĩ năng làm việc nhóm.
- Hoàn thiện các năng lực cá nhân thông qua quá trình làm việc nhóm, tham gia các hoạt động dài hơi.
- Rèn luyện kĩ năng lập kế hoạch cho hoạt động nhóm dựa trên việc rèn luyện các thao tác tư duy:
- + Khảo sát, phán đoán nguyên nhân, dự kiến biện pháp;

THỰC TRẠNG VỀ SINH TRƯỜNG, LỚP

1. Hát bài hát về trường, lớp

- Hát và vận động trên nền nhạc một bài hát về trường, lớp, bạn bè và thầy cô.
- Hình dung về ngôi trường mơ ước của em và chia sẻ với các bạn bằng cách hoàn thành câu: "Ngôi trường mơ ước của em có..."

2. Xây dựng kế hoạch khảo sát thực trạng vệ sinh trường, lớp

- Phân công các tổ khảo sát theo những khu vực khác nhau trong trường.

Cổng trường **Sân trường** **Phòng vệ sinh** ...

– Thống nhất thời gian thực hiện khảo sát, tiêu chí và mức độ đánh giá.
– Thiết kế phiếu khảo sát theo gợi ý.

PHIẾU KHẢO SÁT

TỔ 1:

Khu vực khảo sát: Sân trường

Mức độ đánh giá:

😊 Rất sạch 😞 Chưa sạch
😊 Sạch 😞 Rất bẩn

1. THỰC TRẠNG:

Thời gian	Rác	Bụi	Nước thải	Nhìn xét
Thứ ... ngày ... tháng ... năm ...	😊	😊	😊	Có một ít giấy rác ở khu vực khối 3 xếp hàng.

2. NGUYÊN NHÂN: Thiếu thùng rác ở các góc sân trường...

3. DỰ KIẾN BIỆN PHÁP: Đặt thêm thùng rác...

KHẢO SÁT THỰC TRẠNG VỀ SINH TRƯỜNG, LỚP

1. Thực hiện khảo sát thực trạng vệ sinh trường, lớp theo kế hoạch

- Cùng các thành viên trong tổ thực hiện khảo sát và điền kết quả vào phiếu.
- Trao đổi và đưa ra kết luận về thực trạng vệ sinh khu vực tổ khảo sát.
- Xác định nguyên nhân và dự kiến biện pháp xử lí nếu vẫn còn khu vực mất vệ sinh.

2. Báo cáo kết quả khảo sát

- Đại diện tổ trình bày về thực trạng vệ sinh ở khu vực tổ mình khảo sát.
- Thảo luận về các biện pháp giữ gìn vệ sinh trường, lớp.

TUẦN 10

MÃI TRƯỜNG THÂN YÊU

- Tham gia biểu diễn văn nghệ về chủ đề "Mãi trường thân yêu".
- Giao lưu với thầy, cô Tổng phụ trách Đội về các hoạt động chung tay chăm sóc trường, lớp.

PHIẾU KHẢO SÁT

THỰC TRẠNG CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN Ở ĐỊA PHƯƠNG

NHÓM LÁ XANH

- Tên cảnh quan thực hiện khảo sát: ...
- Địa chỉ: ...
- Thời gian thực hiện khảo sát: ...

1. THỰC TRẠNG:

Số thứ tự	Nội dung khảo sát	Người thực hiện	Thực trạng
1	Rác thải	Nam, Mai	Còn nhiều rác trên đường đi
2	Nước thải	Trang, Duy	Cống thoát nước bị tắc, nước thải dềnh lên
3	Cây xanh	Hoàng, Nga	...
4	...	...	...

2. NGUYÊN NHÂN: Thiếu thùng rác; Lá cây làm tắc cống thoát nước;...

3. DỰ KIẾN BIỆN PHÁP: Đặt thêm thùng rác; Thông cống;...

+ Đặt câu hỏi tìm hiểu thông tin, phân loại và sắp xếp trình tự, sử dụng sơ đồ tư duy để khái quát và phân tích thông tin;

2. Trình bày thông tin tìm hiểu được bằng hình thức sơ đồ tư duy

– Mỗi nhóm vẽ một sơ đồ tư duy trình bày thông tin đã tìm hiểu được về một đồ vật.

Gợi ý:



– Đại diện nhóm chia sẻ sơ đồ tư duy của nhóm mình trước lớp.

2. Xây dựng sơ đồ tư duy về thời gian biểu theo tiêu chí phân loại

– Lựa chọn một tiêu chí phân loại để thực hành vẽ sơ đồ tư duy về thời gian biểu.

– Đánh số thứ tự công việc hoặc ghi thời gian thực hiện công việc trên các nhánh của sơ đồ tư duy ấy.



+ Lập kế hoạch cụ thể cho nhóm: đưa ra được mục tiêu và nội dung hoạt động, thời gian và tiến độ cần thực hiện;

KẾ HOẠCH GIỚI THIỆU SÁCH CỦA NHÓM

- Mục đích: Khuyến khích các bạn đọc sách
- Nhiệm vụ: Đọc và giới thiệu cuốn sách *Để mãi mãi lưu lại* (Tô Hoài)
- Hình thức: Diễn kịch theo nội dung đoạn trích trong sách
- Phân công công việc:

Số thứ tự	Nội dung công việc	Thời gian	Người thực hiện
...	Đọc sách	...	...
...	Chọn đoạn trích và viết kịch bản	...	...
...	Luyện tập theo kịch bản	...	...
...	...	...	...

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC LỄ KỶ NIỆM NGÀY CƯỜI CỦA ÔNG BÀ

Ngày thực hiện: ...
Địa điểm thực hiện: Nhà ông bà

- MẸ: Chuẩn bị đồ ăn
- BỐ: Làm an-bum ảnh
- NAM: Vẽ tranh chân dung ông bà
- CHI LAN: Làm bánh kem

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG ĐẾN CHÀO ĐÓN NGHE

NHÓM LÁ XANH – LỚP 4A1

- Nội dung hoạt động: Đến thăm gia đình liệt sĩ
- Địa điểm: ...
- Trang phục: ...

Số thứ tự	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Phân công
1	Chuẩn bị lời cảm ơn và chia sẻ gửi đến gia đình liệt sĩ	...	...
2	Quét dọn nhà cửa	...	...
...	...	...	...

KẾ HOẠCH CHĂM SÓC, BẢO VỆ CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN

LỚP 4A1

- Tên cảnh quan: ...
- Địa điểm: ...
- Phân công công việc:

Số thứ tự	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Tổ thực hiện
1	...	...	...
2	...	...	...

TRANG TRÍ VÀ TRANG TRÍ

Đã xuất ý tưởng cho buổi họp cha mẹ học sinh cuối năm học

- Thảo luận theo nhóm để chuẩn bị cho buổi họp cha mẹ học sinh vào cuối năm học với chủ đề "Cha mẹ yêu trường".
- Đưa ra các ý tưởng để buổi họp cha mẹ học sinh có được sự chia sẻ từ thầy cô, người thân và học sinh.

Gợi ý:

- Trang trí lớp học, thiết kế những thông điệp đặt ở từng chỗ ngồi
- Tự tay viết và trang trí giấy mời họp theo phong cách của riêng mình
- Với là thư từ một đời ở yên bình mà người thân gửi

– Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong nhóm.

+ Thực hiện và điều chỉnh hoạt động của nhóm: Tự lực thực hiện được nhiệm vụ cá nhân một cách khoa học và sáng tạo, kiểm soát được tiến độ thực hiện; biết tìm sự hỗ trợ khi cần thiết; thể hiện được sự chia sẻ và hỗ trợ bạn trong hoạt động; biết cách giải quyết mâu thuẫn nảy sinh trong hoạt động.

TUẦN 15

CHÀO MỪNG NGÀY THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM 22-12

Giao lưu với các chủ bộ đội để học tập tinh tự lập, tự chủ, sẵn sàng đối mặt với khó khăn.

TỰ LỰC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ Ở TRƯỜNG

1. Chia sẻ về những nhiệm vụ được giao

- Kể về những nhiệm vụ em được phân công ở trường.
- Chia sẻ về cách em thực hiện những nhiệm vụ đó:
 - Cách ghi nhớ nhiệm vụ;
 - Cách quản lý thời gian và tiến độ thực hiện nhiệm vụ;
 - Cách giải quyết nhiệm vụ khi gặp khó khăn.

Mình và bạn Hoa đã nhận nhiệm vụ xây dựng danh mục sách của tủ sách lớp học.

38

2. Lập kế hoạch rèn luyện tinh tự lực thực hiện nhiệm vụ

- Thảo luận về nhiệm vụ mà nhóm đề xuất thực hiện.
- Liệt kê công việc mỗi cá nhân cần thực hiện.
- Lập kế hoạch tự lực thực hiện nhiệm vụ.

Họ và tên: Nguyễn Hoàng Trọng - Lớp 4A1
Nhiệm vụ đã nhận: Công việc cụ thể hằng ngày:

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Kết quả mong muốn
...	...	...
...	...	...
...	...	...

- Chia sẻ kế hoạch theo nhóm.
- Tự lực thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch.

VƯỢT KHÓ VÀ SÁNG TẠO

Báo cáo về việc tự lực thực hiện nhiệm vụ

- Các thành viên báo cáo về việc tự lực thực hiện nhiệm vụ ở trường:
 - Việc đã làm và chưa làm được theo kế hoạch;
 - Khó khăn đã gặp và cách vượt qua;
 - ...
- Kể về những việc làm sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Chia sẻ cảm xúc khi tự lực thực hiện nhiệm vụ được giao.

Phương án thiết kế tủ sách đọc sách bằng lá cọ rất sáng tạo!

39

2. Đề xuất cách giải quyết các vấn đề thường xảy ra trong quan hệ bạn bè

- Kể về những vấn đề thường xảy ra giữa bạn bè (hiểu lầm, không lắng nghe nhau,...).
- Chia sẻ cách em đã giải quyết những vấn đề đó.
- Nghe thầy cô và các bạn góp ý và đưa ra lời khuyên.

+ Đánh giá: đánh giá chất lượng và thái độ hoạt động của nhóm; đánh giá hoạt động cá nhân trong mối tương quan với hoạt động nhóm; chỉ ra được những điểm cần rút kinh nghiệm trong hoạt động của cả nhóm; rút ra được bài học cho mình thông qua việc nhận xét hoạt động của bạn.

ĐÁNH GIÁ VỀ KHẢ NĂNG TỰ LỰC

Đánh giá về khả năng tự lực thực hiện công việc ở nhà

- Tự đánh giá:
 - Liệt kê những việc em đã thực hiện đều đặn và những việc thường quên thực hiện ở nhà;
 - Đánh giá khả năng tự lực của mình.
- Chia sẻ ý kiến đánh giá của người thân trong *Phiếu việc nhà* về những việc em đã làm được:



TÌNH BẠN

1. Hoạt động "Nói ra, đừng ngại"

- Chia sẻ về sự hợp tác giữa các thành viên của nhóm trong học tập và rèn luyện:
 - Nêu điều em hài lòng về mình, về bạn;
 - Nêu điều em còn băn khoăn, chưa hài lòng về mình hoặc về sự hợp tác giữa các bạn trong nhóm:

Mình hài lòng vì...

Mình chưa hài lòng vì...

- Đưa ra những lời khuyên cho nhau để có thể hợp tác, đoàn kết hơn khi làm việc nhóm.

- Chú trọng các kĩ năng hỗ trợ cho việc học và tự học: Các kĩ năng liên quan đến việc đọc sách, STEM, STEAM; kĩ năng liên quan đến sử dụng phương tiện công nghệ;...

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM Ở TIỂU HỌC



- Giải thích:
- Vòng tròn trong cùng: loại hình hoạt động
 - Vòng tròn ở giữa: phương thức hoạt động
 - Vòng tròn ngoài cùng: sản phẩm hoạt động



SẢN PHẨM NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở ĐỊA PHƯƠNG

Thiết kế và chia sẻ sản phẩm (tranh, mô hình, đoạn phim ngắn,...) giới thiệu về nghề truyền thống ở địa phương

- Các thành viên trong nhóm lên ý tưởng và thiết kế một sản phẩm giới thiệu về nghề truyền thống ở địa phương.
- Các nhóm lần lượt chia sẻ sản phẩm đã thiết kế.



2.3.3. Đề xuất những hoạt động chung, dự án thú vị để HS có thể thực hiện dài hơi, ngay cả sau khi chủ đề trải nghiệm đã kết thúc

– HS lớp 4 đã lớn lên thêm một bước về thể chất, hoàn thiện nhiều năng lực cá nhân, vì thế, SGK HĐTN4 chú trọng thiết kế các hoạt động chung, có thể gọi là dự án, dành cho nhóm, tổ, lớp. Đó là các hoạt động:

- + Giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp;
- + Thiết kế các “Ngày cuối tuần yêu thương”;
- + Các hoạt động giới thiệu sách, xây dựng tủ sách, góc đọc sách;
- + Các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”;
- + Xây dựng hòm thư “Điều em muốn nói”;
- + Các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, giới thiệu về cảnh quan thiên nhiên ở địa phương qua việc xây dựng sản phẩm *Hành trình trải nghiệm* và *Sổ tay hướng dẫn du lịch địa phương*;
- + Các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, giới thiệu về nghề truyền thống ở địa phương qua hoạt động chung “Theo dấu nghề nhân”...
- Những hoạt động này những có đặc điểm sau:
 - + HS có thể kết nối chặt chẽ với gia đình, nhà trường, xã hội, được tham gia vào các hoạt động của gia đình, nhà trường, xã hội, đồng thời là những nhân tố kết nối họ với nhau;
 - + HS chủ động khảo sát thực trạng, đánh giá thực trạng, đề xuất các hoạt động cụ thể, vừa sức với các em;
 - + HS lên kế hoạch hành động cụ thể, tìm đến những người tin cậy để xin lời khuyên và nhờ hỗ trợ;
 - + HS chủ động thực hiện hoạt động, điều chỉnh hoạt động và đưa ra các giải pháp sáng tạo khi gặp khó khăn;
 - + HS tự đánh giá được chất lượng và thái độ hành động của cá nhân, của nhóm, từ đó trưởng thành lên với sự hoàn thiện của những phẩm chất, năng lực mà hoạt động giáo dục đã để ra.

2.3.4. Kết nối với gia đình, xã hội:

- *Các hoạt động dài hơi, các dự án nhỏ* giúp HS trở thành tâm điểm của những hoạt động kết nối gia đình, cộng đồng (như đã trình bày trong mục 1.4.3.)
- *Các hoạt động trải nghiệm sau giờ học và phản hồi tại các tiết SHL* tạo điều kiện để HS chia sẻ với người thân, với các cô bác, bạn bè hàng xóm, với cộng đồng. VD: nhiệm vụ tìm hiểu các nguồn thu và các khoản chi của gia đình; hoạt động chia sẻ về những điều khó nói; việc đưa ra ý tưởng để chuẩn bị cho buổi họp cha mẹ HS cuối năm;...

2.3.5. Áp dụng nhiều phương thức HĐTN để các hoạt động tạo động lực tham gia cho HS, tạo điều kiện tiếp cận thực tế cuộc sống ở mức nhiều, cao nhất có thể

- *Phương thức khám phá*: Các hoạt động đề xuất trong SGK, đặc biệt là các hoạt động dài hơi, đều tạo cơ hội cho HS đi thực địa, tham quan, quan sát thiên nhiên và thế giới bên ngoài.
- *Phương thức thể nghiệm, tương tác*: Trong SGK có nhiều hoạt động tạo cơ hội cho HS giao lưu và thể nghiệm ý tưởng cá nhân và tập thể như diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi – đặc biệt là các hoạt động diễn ra trong tiết SHDC.
- *Phương thức cống hiến*: SGK đề xuất những hoạt động tạo cơ hội cho HS mang lại những giá trị xã hội bằng những đóng góp và cống hiến thực tế như các hoạt động kết nối cộng đồng, đền ơn đáp nghĩa, giới thiệu du lịch và nghề truyền thống tại địa phương.
- *Phương thức nghiên cứu*: Tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho HS tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học nhờ cảm hứng từ những trải nghiệm thực tế, qua đó đề xuất những biện pháp giải quyết vấn đề một cách khoa học: các hoạt động khảo sát thực địa, thiết kế *Hành trình trải nghiệm*, đưa ra cảm nang du lịch và nghề truyền thống địa phương.

2.4. Đề xuất phân phối chương trình Hoạt động trải nghiệm 4

Lưu ý: Đây là chỉ một đề xuất có tính chất gợi ý. Nhà trường và thầy cô giáo có thể thay đổi nội dung hoạt động theo điều kiện cơ sở vật chất và nội dung giáo dục địa phương, đặc biệt là các hoạt động SHDC và HĐGDTCD.

Các tiết trong tuần	Tiết 1	Tiết 2 và Tiết 3	Ngoài giờ	
Thời gian	Sinh hoạt dưới cờ (SHDC)	Hoạt động giáo dục theo chủ đề (HĐGDTCD) và Sinh hoạt lớp (SHL)	Câu lạc bộ học sinh/ Ngày hội toàn khối, toàn trường (CLBHS)	Hoạt động trải nghiệm thực địa (HĐTNTĐ)
Tháng 9 CHỦ ĐỀ: NHẬN DIỆN BẢN THÂN				
Tuần 1	Chào năm học mới <i>HS lớp 5 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Em tự hào về bản thân – Tự hào thể hiện khả năng của bản thân	Thành lập các CLBHS hoặc tiếp tục vận hành các CLB đang có, VD: CLB Đọc sách; CLB kĩ năng sống; CLB Em học sống xanh, CLB Cây cọ xinh, CLB Khoa học vui, CLB Em làm bạn với bầu trời,...	

Tuần 2	Câu lạc bộ của em <i>HS lớp 4 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Những việc làm đáng tự hào của em – Niềm tự hào trong tim	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tuần 3	Giao lưu tài năng học trò với chủ đề “Nụ cười lan toả niềm vui” <i>HS lớp 3 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Khả năng điều chỉnh cảm xúc – Điều chỉnh cảm xúc	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tuần 4	Ngày hội “Cùng làm cùng vui” <i>HS lớp 2 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Suy nghĩ tích cực – Nghĩ tích cực – Sống vui tươi	Thành lập các CLBHS hoặc tiếp tục vận hành các CLB đang có, ví dụ: CLB Đọc sách; CLB kĩ năng sống; CLB Em học sống xanh, CLB Cây cọ xinh, CLB Khoa học vui, CLB Em làm bạn với bầu trời,...	
Tháng 10 CHỦ ĐỀ: NẾP SỐNG VÀ TƯ DUY KHOA HỌC				
Tuần 5	Trung thu của em <i>HS lớp 5 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Nền nếp sinh hoạt – Giúp nhau thực hiện nền nếp sinh hoạt	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tuần 6	Cuộc phiêu lưu của sách bút <i>HS lớp 1 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Câu hỏi tìm hiểu thông tin – Rèn luyện tư duy khoa học	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tuần 7	Hội chợ đồ tái chế <i>HS lớp 4 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Phân loại và sắp xếp hoạt động cá nhân – Triển lãm sơ đồ tư duy	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	

Tuần 8	Ngày hội STEAM <i>HS lớp 4 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Nếp sống khoa học – Tự đánh giá việc rèn luyện tư duy khoa học	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	Đến thăm một số địa điểm liên quan đến nội dung nghiên cứu khoa học: Phòng thí nghiệm của Trường ĐH; Bảo tàng Tự nhiên; Bảo tàng lịch sử hoặc khoa học;....
Tháng 11 CHỦ ĐỀ: YÊU TRƯỜNG, MẾN LỚP				
Tuần 9	Góc đọc xanh <i>HS lớp 2 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Thực trạng vệ sinh trường, lớp – Khảo sát thực trạng vệ sinh trường, lớp	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tuần 10	Mái trường thân yêu <i>HS lớp 1 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp – Hành động giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tuần 11	Đội viên cùng tiến <i>HS lớp 3 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Tình bạn – Cam kết tình bạn	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tuần 12	Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11 <i>HS lớp 5 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Thông điệp yêu thương – Tổ chức hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tháng 12 CHỦ ĐỀ: TỰ LỰC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ				
Tuần 13	Tự học – Tự làm <i>HS lớp 1 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Chủ động lập kế hoạch – Chủ động thực hiện nhiệm vụ đọc sách	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tuần 14	Kế hoạch hoạt động tại thư viện <i>HS lớp 1 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Luyện tập giới thiệu sách – Hợp tác thực hiện nhiệm vụ	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	

Tuần 15	Chào mừng ngày Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22 – 12 <i>HS lớp 5 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Tự lực thực hiện nhiệm vụ ở trường – Vượt khó và sáng tạo	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tuần 16	Gìn giữ nét đẹp tâm hồn học trò <i>HS lớp 4 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Tự lực thực hiện nhiệm vụ ở nhà – Đánh giá về khả năng tự lực	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tháng 1 CHỦ ĐỀ: MÁI ẤM GIA ĐÌNH				
Tuần 17	Kỉ niệm gia đình <i>HS lớp 3 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Gắn kết yêu thương – Ngày cuối tuần yêu thương	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	Tổ chức thưởng thức nghệ thuật tại thực địa: rạp xiếc, nhà hát kịch nói, Tuồng, Chèo, Cải lương,...
Tuần 18	Biết ơn người thân <i>HS lớp 5 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Đồng hành bên nhau – Những khoảnh khắc hạnh phúc	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tuần 19 (Trước Tết)	Đón Tết bên người thân <i>HS lớp 3 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Sử dụng tiền tiết kiệm cá nhân – Lựa chọn chi tiêu “Cần, muốn và có thể”	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
(Nghỉ Tết)				
Tuần 20	Chào xuân mới <i>HS lớp 4 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Chi tiêu tiết kiệm trong gia đình – Mua sắm thông minh	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tháng 2 CHỦ ĐỀ: PHÒNG TRÁNH BỊ XÂM HẠI				
Tuần 21	Khoẻ thể chất – Mạnh tinh thần <i>HS lớp 3 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Hành vi xâm hại trẻ em – Nhận diện nguy cơ xâm hại trẻ em	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	

Tuần 22	Sống an toàn, lành mạnh <i>HS lớp 2 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Hành vi xâm hại thân thể – Phòng tránh bị xâm hại	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tuần 23	Chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8 – 3 <i>HS lớp 2 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Hành vi xâm hại tinh thần – Chia sẻ những điều khó nói	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tuần 24	Tự bảo vệ bản thân <i>HS lớp 5 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Hành vi xâm hại tình dục – Phòng tránh bị xâm hại tình dục	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tháng 3 CHỦ ĐỀ: KẾT NỐI CỘNG ĐỒNG				
Tuần 25	Ngày hội truyền thống quê em <i>HS lớp 4 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Kết nối những người sống quanh em – Cộng đồng cùng hành động	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tuần 26	Hoạt động về chủ đề “Đền ơn đáp nghĩa” <i>HS lớp 2 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Đền ơn đáp nghĩa – Uống nước nhớ nguồn	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	Đến thăm các di tích lịch sử về truyền thống dựng nước giữ nước của địa phương.
Tuần 27	Lòng nhân ái kết nối cộng đồng <i>HS lớp 2 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Ứng xử có văn hoá – Cộng đồng văn minh	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
CHỦ ĐỀ: QUÊ HƯƠNG EM TƯƠI ĐẸP				
Tuần 28	Quê hương em tươi đẹp <i>HS lớp 5 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Xây dựng <i>Hành trình trải nghiệm</i> – <i>Hành trình trải nghiệm</i>	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tháng 4				
Tuần 29	Bảo vệ cảnh quan thiên nhiên <i>HS lớp 3 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Cảnh quan thiên nhiên quê hương em – Giới thiệu cảnh quan thiên nhiên ở địa phương	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	

Tuần 30	Chung tay bảo vệ cảnh quan địa phương <i>HS lớp 4 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Khảo sát thực trạng cảnh quan thiên nhiên – Kết quả khảo sát thực trạng cảnh quan thiên nhiên	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tuần 31	Ngày hội sống xanh – Bảo vệ môi trường <i>HS lớp 1 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Chăm sóc, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên – Thực hiện kế hoạch chăm sóc, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
(Nghỉ lễ 30/4)				
Tháng 5 CHỦ ĐỀ: TRẢI NGHIỆM NGHỀ TRUYỀN THỐNG				
Tuần 32	Thế giới nghề nghiệp quanh em <i>HS lớp 5 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Nghề truyền thống – Theo dấu nghề nhân	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	Đến thăm một làng nghề của địa phương
Tuần 33	Ngày hội “Nghề nhân tương lai” <i>HS lớp 3 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Khéo tay, thạo việc – Sản phẩm nghề truyền thống ở địa phương	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề	
Tuần 34	Kỉ niệm sinh nhật Bác Hồ <i>HS lớp 5 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Triển lãm “Theo dấu nghề nhân” – Tổng kết hoạt động “Theo dấu nghề nhân”	Sinh hoạt các CLB theo chủ đề – tổ chức các cuộc thi nhỏ của mỗi CLB	
Tuần 35	Lễ tổng kết năm học <i>HS lớp 4 cùng các thầy cô dẫn dắt.</i>	– Hồ sơ trải nghiệm – Chia sẻ yêu thương	Tổng kết hoạt động các CLBHS, tuyên dương và trao giải thưởng cho các cuộc thi trong khuôn khổ các CLB.	

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4

3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp tiến hành các hoạt động trải nghiệm

Các phương pháp giáo dục trong HĐTN cần phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Giúp HS nhớ lại những kinh nghiệm hoặc những kiến thức đã học được ở các môn học khác có liên quan đến chủ đề trải nghiệm.
- Giúp HS sẵn sàng tham gia trải nghiệm tích cực.
- Giúp HS suy nghĩ về những gì trải nghiệm.
- Giúp HS chia sẻ, phản hồi trung thực về những khó khăn mình gặp phải trong quá trình hoạt động.
- Giúp HS phát triển kĩ năng phân tích, khái quát hoá các kinh nghiệm có được.
- Tạo cơ hội cho HS có kĩ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định dựa trên những tri thức và ý tưởng mới thu được từ trải nghiệm.

3.1.1. Sử dụng phương pháp tương tác tích cực, đa dạng, tập trung tạo động lực hành động ở từng HS, hỗ trợ hình thành các kĩ năng cần thiết trong quá trình tham gia trải nghiệm. HS có thể hoạt động cá nhân, hoạt động theo cặp đôi, hoạt động nhóm (theo tổ hoặc nhóm nhỏ – chia đôi tổ) và hoạt động chung cùng cả lớp.

3.1.2. Tổ chức môi trường sư phạm cho HĐTN: Phương pháp tạo “khu vực tâm lí thoải mái” cho HS

- Phòng học tốt nhất nên được kê lại theo hình chữ U hoặc hình tròn, tạo không gian hợp lí cho các HĐTN thông qua việc tương tác giữa GV và HS, HS và HS. Tuy nhiên, nếu không có điều kiện kê lại bàn ghế, hoàn toàn vẫn có thể tạo được “khu vực tâm lí thoải mái” cho HS bằng cách dịch lùi các dãy ghế xuống để tạo không gian hoặc cho phép HS đứng xung quanh một chiếc bàn theo tổ.
- Không gian sư phạm được chú trọng thay đổi để tạo cảm xúc tích cực, động lực hoạt động cho HS.
- Trong khi HS làm việc nhóm, GV có thể đi đến từng tổ và ngồi xuống ngang tầm với HS để hỗ trợ.
- GV cần tìm nhiều phương án khác nhau cho hoạt động “Khởi động” – đây là bước quan trọng để tạo cảm xúc tích cực, tươi mới, mở đầu cho một chủ đề trải nghiệm mới.
- Dùng phương tiện *Bóng gai tương tác* như một cách xoa mờ khoảng cách giữa GV và HS, tạo cảm giác vui vẻ, thoải mái, không áp lực.

3.1.3. GV cần nắm vững một số kĩ thuật quan trọng trong hoạt động

Kĩ thuật hướng dẫn làm việc nhóm

- Giao nhiệm vụ trước khi lập nhóm hoặc trước khi các nhóm ngồi vào chỗ cùng nhau. Nhiệm vụ phải là một hành động cụ thể, vừa sức với HS. Với HS lớp 4 – 5, GV đã có thể giao một lúc 2 nhiệm vụ.
- Cách giao nhiệm vụ cũng phải thật rõ ràng, rành mạch. Nói về nhiệm vụ ấy thật chậm rãi, trịn vẹn và có cảm xúc (ít nhất 1 – 1,5 phút).
- Khống chế thời gian làm việc nhóm. Báo cho HS biết thời lượng của hoạt động, phân công người nhìn đồng hồ nhắc nhở.
- Phân công cụ thể công việc và vai trò cho từng thành viên trong tổ. Với HS tiểu học, có hai vai trò quan trọng là: Người phát ngôn đồng thời là thủ lĩnh và người nhắc giờ. Còn lại là những người cùng thực hiện.
- GV nhắc nhở về thời gian trước khi hết giờ thực hiện khoảng 2 phút.
- Trình bày sản phẩm.
- Cả tổ hoặc cả nhóm cùng tham gia; người phát ngôn trình bày xong, các HS còn lại có quyền bổ sung. Trong lúc một tổ trình bày sản phẩm, GV giao nhiệm vụ để các tổ khác theo dõi, không làm việc riêng. Nhiệm vụ có thể là: lắng nghe và đặt câu hỏi cho tổ bạn; lắng nghe và ghi nhớ từ khoá theo chủ đề; lắng nghe và nhận xét; lắng nghe và đoán;...
- Phần thưởng: Luôn chuẩn bị phần thưởng hoặc nhãn dán quà tặng trao cho tổ chiến thắng.

Kĩ thuật quản lí lớp học

Để quản lí tốt lớp học, GV nên thống nhất với HS các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc “Không ai ngồi không”: Muốn kiểm soát được lớp học, GV cần chuẩn bị đủ nhiệm vụ, hoạt động cho các tổ, nhóm. Nếu một nhóm làm việc thì nhóm khác phải được giao nhiệm vụ lắng nghe, quan sát, theo dõi để hiểu nội dung, đặt câu hỏi phản biện hoặc giải một câu đố mà đội bạn hoặc GV đưa ra. Không một HS nào, không một nhóm, tổ nào ngồi không, kể cả khi các tổ khác thực hiện thao tác trình bày, báo cáo.

VD 1: Trước khi nhóm 1 trình bày kết quả khảo sát thực trạng vệ sinh trường học, GV đề nghị các nhóm khác lắng nghe thật kĩ để xem nhóm 1 đưa ra được kết luận nào. Các nhóm đặt câu hỏi chất vấn hoặc nhận xét về phương pháp khảo sát của nhóm 1.

VD 2: Nhóm 1 sẽ mô tả một vật bí mật nằm trong chiếc túi đen này. Các tổ khác lắng nghe thật kĩ, ai đoán ra sẽ nhận được một nhãn dán quà tặng cho tổ mình.

VD 3: Trong khi một tổ trình bày, các tổ khác lắng nghe để nghĩ ra một câu hỏi thật thú vị và hóc búa. GV sẽ tặng nhãn dán quà tặng cho câu hỏi chứ không phải câu trả lời. Phải nghe kĩ mới nghĩ ra câu hỏi “xoáy” được.

– Nguyên tắc “*Động – tĩnh xen kẽ*”: Các nhiệm vụ, hoạt động, trò chơi được thiết kế theo trình tự động – tĩnh xen kẽ, HS sẽ không bị quá tải. Việc ngồi nhiều mà không hoạt động cũng khiến HS mệt không kém gì khi chạy nhảy nhiều quá. Nếu HS ngồi nghe mà không còn tập trung, tỏ ra mệt mỏi, GV ngay lập tức đưa ra một trò chơi vận động, thậm chí chỉ đơn giản là đứng lên ngồi xuống để sau đó, HS có thể tiếp tục ngồi yên tĩnh thêm chút nữa.

– Nguyên tắc “*Lần lượt*”: Thoả thuận với HS, mọi người sẽ lần lượt được phát biểu. Thỉnh thoảng, GV khen ngợi những HS biết kiên nhẫn đợi đến lượt mình. Khi gọi HS này, GV có thể nói luôn tên HS khác để chuẩn bị. VD: “Cô mời bạn An. Bạn Hương và bạn Mai chuẩn bị, sắp đến lượt các bạn nhé!”.

– Nguyên tắc “*Lắng nghe tích cực*” – “*Một người nói, người khác lắng nghe*”: Nguyên tắc này nên được viết chữ in hoa cỡ lớn và dán ở nơi dễ thấy nhất trong lớp. Trước đó, GV cùng HS thảo luận kĩ về nguyên tắc này.

– Nguyên tắc “*Bốn cấp độ giọng nói*”: Thống nhất chia giọng nói thành bốn cấp độ. Cấp độ một là nói thì thầm, thường dùng khi hai người trao đổi thông tin, không làm phiền đến người khác. Cấp độ hai là giọng nói bình thường, đủ cho 5 – 7 người nghe được. Cấp độ ba là nói to, đủ cho cả lớp nghe được. Cấp độ bốn là hét, thét, gào. GV thống nhất với HS ngay từ đầu để khi GV giơ số ngón tay là HS lập tức hạ giọng hay lên giọng cho tương xứng. Nguyên tắc này được sử dụng thường xuyên qua các hoạt động.

– Nguyên tắc “*Thảo luận và lựa chọn*”: Luôn đưa mọi vấn đề ra để thảo luận bằng cách đặt câu hỏi, từ đó đề xuất hai hoặc ba phương án và luôn cho mình quyền lựa chọn phương án mà mình cho là hợp lí nhất. Trên thực tế, hai hoặc ba phương án đó đều nằm trong dự tính của GV, nhưng việc cho quyền lựa chọn sẽ khiến HS có được sự tự chủ, không bị áp đặt, hài lòng với lựa chọn của mình.

– Nguyên tắc “*Thoả thuận*”: Luôn có được sự đồng thuận bằng lời từ phía phần lớn HS, từ đó thoả thuận bằng văn bản (viết lên bìa, đề nghị HS tham gia vẽ và tô màu rồi treo lên một vị trí dễ nhìn thấy trong lớp). Việc được tham gia thể hiện sự đồng thuận (bầu chọn, giơ tay biểu quyết), và việc tham gia trình bày văn bản thoả thuận sẽ tạo niềm tin cho HS – đây là quyết định, thoả thuận của mình; và tạo động lực chấp hành thoả thuận do chính mình đề ra. Sự thoả thuận về một vấn đề thường sẽ được nhắc đi nhắc lại sau một thời gian nhất định, chẳng hạn, ba tháng hoặc sáu tháng một lần. Thoả thuận có thể thay đổi hoặc bổ sung.

– Nguyên tắc “*Màu cờ, sắc áo, khẩu hiệu*”: Việc nhấn mạnh niềm tự hào của HS khi là thành viên của một tập thể là rất quan trọng. GV cần tạo điều kiện cho các tổ (nhóm) được khẳng định giá trị của mình trong việc giữ gìn kỉ luật của lớp bằng cách thỉnh thoảng tổ chức các cuộc thi đua chớp nhoáng trong hai phút như tổ nào nghe thấy tiếng chuông và trở về vị trí nhanh nhất; tổ nào im lặng được trong một phút; tổ nào thay đổi giọng theo cấp độ giỏi nhất; tổ nào hô khẩu hiệu (slogan) của tổ mình to và

đều nhất. GV luôn lưu ý đến các biện pháp củng cố cảm xúc tự hào về “màu cờ sắc áo”. VD: GV gọi đến tên tổ nào thì cả tổ cùng hô khẩu hiệu/ cùng đứng dậy/ cùng đập tay nhau/... Ngoài ra, các tổ còn cùng nhau trang trí góc của tổ mình bằng hình ảnh mỗi cá nhân,...

– Nguyên tắc “Hiệu lệnh bằng âm thanh”: Xem mục kĩ thuật sử dụng chuông. Quả chuông có thể được thay thế bằng bất kì phương án nào có thể phát ra tiếng động như thổi còi (không gian bên ngoài), vỗ tay, vỗ nhẹ vào mép bàn, dùng xác-xô.

Kĩ thuật giao nhiệm vụ

– Chỉ giao nhiệm vụ khi GV tin chắc tất cả đã tập trung lắng nghe. Dùng quả chuông để yêu cầu tất cả hoàn toàn im lặng, hướng về người nói.

– Trong mỗi nhiệm vụ, bài tập, GV chỉ đưa ra duy nhất một yêu cầu hành động đối với HS.

– GV giải thích nhiệm vụ bằng ngôn ngữ đơn giản, ngắn gọn, dễ hiểu, chậm rãi, trong đó, sử dụng một từ khoá, có thể vẽ hoặc viết từ khoá ấy lên bảng.

– GV làm mẫu, làm nháp để thị phạm.

– GV hỏi lại xem HS đã rõ chưa, khuyến khích HS nào chưa hiểu thì đặt câu hỏi để GV giải đáp cụ thể hơn.

Kĩ thuật phản hồi của phản hồi

Phản hồi của GV rất quan trọng đối với HS, tạo nên động lực làm việc, hoạt động của các em. Chính vì thế, các hành động, thao tác, cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nét mặt của GV cần thể hiện sự sẵn sàng lắng nghe, sự tin tưởng vào khả năng của HS, khuyến khích HS nói ra bất kì ý kiến nào, có thể táo bạo nhất; không chê bai, chế giễu các ý tưởng kì lạ hoặc các phương án chưa chính xác của HS; kích thích HS tiếp tục suy nghĩ sâu hơn về chủ đề để đưa ra các ý tưởng mới. Cụ thể là GV nên:

– Cố gắng tạo tư thế đúng, ngồi càng gần và ngang với HS càng tốt: cúi xuống, mang ghế ngồi bên cạnh nếu HS trình bày bài; ngồi xuống ghế cùng HS để theo dõi các tổ trình bày.

– Lắng nghe, không ngắt lời HS: Trong trường hợp HS nói quá dài, GV có thể chạm tay vào vai HS để bày tỏ sự chia sẻ, khích lệ và như một động tác xin phép ngắt lời, kèm một lời khen: “Câu chuyện thú vị quá. Cho thầy/ cô hỏi...”.

– Nhắc lại câu trả lời bằng phương án tối ưu: ngắn gọn, đủ ý. Đó cũng là cách sửa lỗi diễn đạt cho HS một cách nhẹ nhàng. Không bao giờ nói: “Em nói dài dòng quá. Em diễn đạt lại ý đi. Em nói thế này mới đúng...”.

– Đưa ra những bình luận ngắn về chi tiết đáng chú ý trong chia sẻ của HS.

– Nếu phương án HS đưa ra chưa hợp lí, GV có thể nhấn mạnh: “Đây cũng là một phương án để suy nghĩ, phương án của bạn A... Cô cảm ơn bạn đã chia sẻ với cả lớp”.

Nếu muốn điều chỉnh suy nghĩ của HS, GV có thể đưa ra các câu hỏi để lái tư duy của HS hướng đến câu trả lời hợp lý hơn. Nếu HS vẫn chưa tìm ra được câu trả lời đúng, GV đề nghị: “Chúng ta sẽ cùng nghĩ thêm nhé!”

- Luôn tương tác bằng mắt, chăm chú nhìn vào HS, gật đầu khuyến khích. Nếu HS nói thú vị, hợp lý, GV chọn cách bày tỏ sự khen ngợi bằng cả động tác cơ thể như giơ ngón tay cái (Tuyệt!); đâm vào không khí (*Trúng vấn đề!*); đập tay vào bàn tay HS (*Giỏi lắm!*); vỗ tay (*Rất hay!*);...

- Không khen ngợi kết quả mà chú trọng quá trình. VD: HS làm được một con thuyền từ rác tái chế. GV không khen con thuyền đẹp mà hỏi về ý tưởng: tại sao lại nghĩ đến việc làm con thuyền; cắt cái chai nhựa bằng cách nào; dùng chất gì để dán cánh buồm; liệu có thể thả chiếc thuyền vào nước không hay chỉ trưng bày thôi;... GV nên bày tỏ sự khâm phục về ý tưởng, cách làm chứ không khen chung chung là giỏi quá, hay quá, đẹp quá,...

- Không so sánh HS này với HS kia, sản phẩm này với sản phẩm kia.

- Sau khi khen ngợi một HS hoặc một tổ, GV hướng đến các HS khác, các tổ khác, bày tỏ sự tin tưởng là các bạn khác, tập thể khác cũng có những ý tưởng bất ngờ và những điều thú vị của riêng mình.

3.2. Một số phương pháp thường dùng trong hoạt động trải nghiệm

3.2.1. Kể chuyện tương tác

- Trong hoạt động kể chuyện tương tác, GV là người dẫn chuyện. Trước khi kể, GV có thể giới thiệu trước những nhân vật sẽ xuất hiện trong câu chuyện để HS có thể hình dung sự phát triển của tình tiết và có khái niệm trước về nhân vật. GV có thể gợi ý để HS thể hiện các nhân vật đó bằng động tác cơ thể, bằng ngôn ngữ,...

- GV vừa kể vừa chỉ định một hoặc nhiều HS tham gia thể hiện nhân vật đó. GV đặt câu hỏi gợi ý để HS tham gia câu chuyện.

- GV có thể dừng lại để khai thác một chủ đề nhỏ liên quan đến câu chuyện.

- *Khi sử dụng hình thức kể chuyện tương tác, GV cần lưu ý:*

- + *Nên có đồ dùng trực quan minh họa câu chuyện, nhưng không nhiều, chỉ đủ để tạo động lực, gây tò mò đối với HS. Dùng quá nhiều đạo cụ sẽ làm rối câu chuyện.*

- + *Nên lựa chọn thời điểm dừng phù hợp để tương tác, đặt câu hỏi. Nếu đã dừng ở các nhân vật thì thôi không khai thác chủ đề nhỏ liên quan nữa; hoặc chỉ dừng ở một, hai nhân vật, với nhân vật thứ ba, GV kể luôn mà không đặt câu hỏi tương tác. Nếu chi tiết nào cũng dừng sẽ ảnh hưởng tới thời lượng hoạt động, đồng thời làm loãng câu chuyện, HS không theo dõi được mạch câu chuyện.*

- + *Các câu hỏi đặt ra phải cụ thể, ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu với HS. Không hỏi những câu trừu tượng, chung chung. Tuy vậy, HS lớp 4 đã bước đầu có thể nắm được phép*

diễn dịch, quy nạp, GV có thể đề nghị HS thực hiện thao tác phân loại, tổng hợp, khái quát thông qua câu hỏi. Có thể vận dụng cách hỏi 5W1H và cách hỏi qua tình huống.

3.2.2. Kể chuyện với kết cục mở

– Kể chuyện với kết cục mở là hình thức GV không kể hết toàn bộ câu chuyện mà chỉ kể đến nút thắt, mâu thuẫn xảy ra trong câu chuyện rồi dừng lại và yêu cầu HS vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm đã có để phán đoán, xây dựng nốt phần kết của câu chuyện, sau đó kể trước lớp. Kể chuyện với kết cục mở có vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực tư duy sáng tạo, năng lực ngôn ngữ và giao tiếp cho HS.

– Đối với HĐTN, kể chuyện với kết cục mở về bản chất là một cách đặt ra tình huống liên quan đến chủ đề hoạt động, tạo động lực cho HS suy nghĩ và đưa ra phương án giải quyết vấn đề của mình.

– *Khi sử dụng phương thức kể chuyện với kết cục mở, GV cần lưu ý:*

+ Nội dung truyện phải liên quan đến chủ đề trải nghiệm, có chứa đựng mâu thuẫn cần giải quyết và có nhiều cách khác nhau để giải quyết mâu thuẫn đó, mang lại cho buổi trải nghiệm một thông điệp khó quên.

+ Phần kết của HS có thể khác nhau, bất ngờ và khác với phần kết đã chuẩn bị của GV. GV chấp nhận mọi phương án sáng tạo của HS, lấy đó làm đề tài để hỏi và thảo luận.

+ Câu chuyện không nên quá dài, thường chỉ là một tình huống, kể trong khoảng 2 – 3 phút.

3.2.3. Kịch tương tác tại chỗ

– Kịch tương tác là hình thức diễn một vở kịch, tiểu phẩm có GV dẫn chuyện và có sự tham gia thể hiện của HS – HS thể hiện bối cảnh và vào vai nhân vật theo lời kể của GV. VD: khi GV kể về một ngôi nhà, một vài HS sẽ nắm tay nhau, thể hiện hình ảnh ngôi nhà ấy. GV kể về biển, một vài HS sẽ làm sóng biển.

– HS vào vai nhân vật theo sự phân công của GV có thể được đưa ra lời thoại của mình theo sự gợi ý của GV.

– Kịch tương tác còn có sự tham gia của khán giả (là HS) trong việc đưa ra cách giải quyết tình huống/ mâu thuẫn phát sinh trong vở kịch. Khán giả cùng giao lưu, đối thoại với diễn viên (là một vài HS) và người dẫn chuyện (GV). Trong kịch tương tác không có sự ngăn cách giữa khán giả với diễn viên. Khán giả có thể đặt câu hỏi, nêu ý kiến, cho lời khuyên hoặc tham gia cùng diễn với diễn viên trong một vài cảnh, một vài đoạn của vở kịch.

– *Khi sử dụng kịch tương tác trong các HĐTN, GV cần lưu ý:*

+ GV phải xây dựng kịch bản trước. Tình huống, mâu thuẫn đặt ra trong vở kịch phải là những tình huống phổ biến trong cuộc sống thực của HS lớp 4, phù hợp với mối quan tâm, trình độ nhận thức và khả năng tham gia của HS.

- + GV giới thiệu với HS các nhân vật tham gia vào tiểu phẩm và nhận sự xung phong vào vai của HS.
- + GV thảo luận với tất cả các HS khác về phương án lời thoại và hành động của nhân vật; từ đó HS đảm nhiệm vai diễn đó sẽ đưa ra lựa chọn của mình, có thể giống hoặc không giống các bạn.
- + Kịch phải để mở kết cục và phải đặt ra nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết khác nhau để các “khán giả” HS có thể cùng tham gia giải quyết.
- + Người dẫn chương trình, người dẫn chuyện (là GV) phải chủ động lôi kéo sự tham gia của “khán giả” (là HS) bằng cách khéo léo đặt ra những câu hỏi, những giả định, những yêu cầu,... đối với người xem tại những thời điểm thích hợp. Tại những thời điểm này, người dẫn chương trình và các “diễn viên” phải chủ động nêu vấn đề, mời người xem tham gia ý kiến hoặc cùng diễn. VD: Theo các bạn, vì sao...? Nếu bạn là nhân vật chính, bạn sẽ làm gì?
- + Và kết thúc, bao giờ cũng có một câu hỏi tương tác dành cho người xem.
- + Mức độ tham gia của khán giả cần được nâng cao dần từ ít đến nhiều, từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ chỉ cho ý kiến nhận xét, cho lời khuyên đến việc tham gia cùng diễn với diễn viên.
- + Người dẫn chương trình và các diễn viên cần tôn trọng những ý kiến, những lời khuyên, những giải pháp và sự tham gia diễn xuất của khán giả, dù hay, tốt hoặc chưa hay, chưa tốt.

3.2.4. Đọc thơ tương tác

Các bài thơ, đoạn thơ theo chủ đề cũng là ngữ liệu quan trọng có thể sử dụng trong các HĐTN, mang nhiều thông điệp tạo động lực hành động cho HS hoặc là các chỉ dẫn hướng dẫn HS hành động.

– Cách thông thường là GV đọc một câu, tất cả HS hoặc một nhóm HS đọc câu trả lời hoặc đọc cả đoạn để trả lời.

VD: – Ai dậy sớm/ Chạy lên đồi

– Cả đất trời/ Đang chào đón!

– Cách thứ hai của phương pháp đọc thơ tương tác là mỗi nhóm lắng nghe GV đọc và thuộc truyền khẩu một đoạn (khổ) ngắn bốn câu. Sau đó, cả lớp cùng đọc – các tổ lần lượt đọc các đoạn (khổ) thơ của mình và làm động tác minh họa, ghép lại thành một bài thơ trọn vẹn.

3.2.5. Trò chơi

– Để chuyển tải các nội dung giáo dục trong Chương trình HĐTN lớp 4, có thể tổ chức cho HS chơi nhiều trò chơi khác nhau trong các thời điểm khác nhau của một tiết trải

nghiệm, bao gồm cả trò chơi phân vai, đồ vui, trò chơi vận động, trò chơi phát triển tư duy, trò chơi dân gian.

– *Khi sử dụng trò chơi, GV lưu ý:*

+ Trò chơi luôn mang một thông điệp cụ thể, hoặc là biểu tượng cho một khái niệm, một bí kíp hành động, chuyển tải một nội dung nhất định trong HĐTN, kể cả khi trò chơi được sử dụng như một hoạt động khởi động.

+ Có thể tổ chức cho HS chơi theo cặp đôi, theo nhóm hoặc theo lớp, tùy theo nội dung hoạt động và điều kiện thời gian. Nhiều thời gian thì chơi theo nhóm, lớp. Ít thời gian thì chơi theo cặp đôi.

+ Có thể tổ chức cho HS chơi tại lớp học, sân trường, phòng đa năng,... tùy theo yêu cầu không gian hẹp hay rộng của từng trò chơi cụ thể.

+ Trò chơi phải dễ tổ chức và thực hiện, phải phù hợp với nội dung hoạt động; phù hợp với đặc điểm và trình độ HS; hợp với quỹ thời gian; với hoàn cảnh, điều kiện thực tế của lớp học, đồng thời phải không gây nguy hiểm cho HS khi chơi.

+ GV phải chuẩn bị trước các đạo cụ trực quan, nếu cần.

+ GV phổ biến để HS nắm được quy tắc, luật chơi trước khi chơi và tôn trọng luật chơi; quy định rõ thời gian, địa điểm chơi.

+ Trò chơi phải được luân phiên theo tính chất tĩnh – động, thay đổi hợp lý để không gây nhàm chán cho HS.

+ Sau khi chơi, GV có thể đặt câu hỏi cho HS thảo luận để nhận ra ý nghĩa giáo dục của trò chơi.

+ Luôn có phương án khen ngợi hoặc phần thưởng cho những người chiến thắng trong trò chơi, nhưng lưu ý động viên những người chưa chiến thắng bằng cách khen ngợi các kĩ năng cụ thể của HS trong khi chơi. VD: “Tổ 3 chiến thắng vì quan sát và ghi nhớ được nhiều sự vật nhất, nhưng tổ 2 lại vẽ các sự vật quan sát được rất đẹp và cẩn thận, còn tô màu nữa!”. Các phần thưởng, quà tặng nên tặng chung cho nhóm, số lượng đủ cho từng thành viên trong nhóm.

3.2.6. Sắm vai xử lý tình huống

Đây là hoạt động được sử dụng phổ biến trong HĐTN với tiết HĐGDTCD. Khi sử dụng phương pháp này, GV đưa ra tình huống mở thú vị dưới hình thức kể chuyện hoặc tiểu phẩm ngắn và dừng lại để HS vào vai xử lý tình huống (có nhiều nét tương đồng với diễn tiểu phẩm – kịch tương tác nhưng ngắn gọn và thay đổi nội dung nhiều hơn).

3.2.7. Trò chuyện theo chủ đề – giao lưu nhân vật

Trò chuyện theo chủ đề, giao lưu nhân vật là hình thức tổ chức gặp gỡ, trao đổi, trò chuyện giữa HS với khách mời/ nhân vật được mời (có thể là HS cũ của trường, các

cựu giáo chức, cha mẹ HS, bộ đội, công an, cầu thủ bóng đá, diễn viên, hoạ sĩ, nhà văn, nhà thơ chuyên viết cho thiếu nhi, chính quyền địa phương hoặc chuyên gia về một lĩnh vực nào đó,...), nhằm tạo cơ hội cho HS được bày tỏ những băn khoăn, thắc mắc, những suy nghĩ của bản thân về một chủ đề giáo dục nào đó; được lắng nghe giải đáp thoả đáng từ các khách mời; giúp các em có thêm những kiến thức, kĩ năng, cảm xúc cần thiết về chủ đề này, tạo động lực tìm hiểu thêm thông tin và động lực hành động.

Nhân vật trò chuyện và giao lưu với HS cũng có thể là người trong trường như các thầy cô trong Ban giám hiệu và thầy cô giáo các bộ môn, các cô bác làm việc ở các bộ phận khác nhau trong trường.

3.2.8. Dự án tổ, dự án lớp

– Trong HĐTN, dự án được hiểu như là một phương thức tổ chức hoạt động trong đó HS thực hiện một nhiệm vụ phức hợp, thực hành, thí nghiệm hoặc vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học của các môn học vào cuộc sống thực tiễn. Nhiệm vụ này được HS thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình từ việc chọn đề tài, xác định mục đích, lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ, cùng thực hiện dự án, đánh giá dự án.

– Với gợi ý của GV, mỗi tổ (hoặc cả lớp) cùng nhau thảo luận để đưa ra một dự án để tổ/ lớp thực hiện vào tiết SHL tuần sau hoặc ngoài giờ học và ở một không gian khác. Dự án có thể được coi là hoạt động quan trọng của lớp nên GV cần nhắc để dành toàn bộ thời lượng tiết SHL cho việc này (35 – 40 phút).

– Trong SGK HĐTN4 không có dự án nhưng GV hoàn toàn có thể phát triển các hoạt động dài hơi thành dự án. VD: Dự án “Theo dấu nghệ nhân” phát triển từ hoạt động “Theo dấu nghệ nhân” ở chủ đề *Quê hương em tươi đẹp* hay dự án “Ngày cuối tuần yêu thương” phát triển từ hoạt động “Ngày cuối tuần yêu thương” ở chủ đề *Mái ấm gia đình*. Các hoạt động này đều có thể thực hiện trong nhiều tháng, thậm chí kéo dài cả năm học.

3.3. Phương tiện tổ chức các hoạt động trải nghiệm

Phương tiện để tiến hành HĐTN ở lớp 4 được trình bày chi tiết trong Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học theo quy định của Chương trình và Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, để tổ chức tốt các hoạt động, nhóm tác giả đề xuất thêm một số phương tiện hỗ trợ bao gồm:

– *Phương tiện kĩ thuật hỗ trợ HĐTN chung của tập thể lớp*: Loa phát nhạc cỡ nhỏ, USB, mi-cro gài cho GV.

– *Bóng gai* (còn gọi là *Quả bóng tương tác*):

+ Đây là quả bóng có nhiều gai mềm, được bơm vừa phải, vừa tay các em nhỏ, nhẹ và không trơn trượt, đảm bảo việc tung và bắt bóng được thuận lợi, trẻ không bắt trượt.

Bóng gai có tác dụng khuyến khích tương tác và kích thích sự động não, giúp trẻ nghĩ nhanh, dám nói theo từ khoá. Thay cho việc gọi tên HS, GV sẽ tung bóng để HS bắt. HS bắt bóng để thể hiện yêu cầu hoạt động. Việc này giúp giảm bớt áp lực tâm lí cho HS khi phải đưa ra câu trả lời vì quả bóng gợi đến hoạt động trò chơi, đồng thời cũng là cơ hội để HS luyện phản ứng nhanh.

+ Trong trường hợp không có bóng gai hoặc quả bóng nói chung, GV có thể thay thế bóng bằng giấy báo cũ vo tròn, dán băng dính.



– *Thẻ từ:* là những tấm thẻ bằng bìa nhiều màu, cỡ 9x21cm (1/3 tờ A4), giúp HS ghi nhớ một khái niệm hoặc kĩ năng mới. HS nhận biết nội dung thẻ từ nhờ sự hỗ trợ của GV và dần ghi nhớ theo dạng “chụp ảnh” mỗi khi nhìn lại thẻ từ ấy trong thời gian dài sau đó.

– *Vòng tay nhắc việc:* là những băng giấy bằng giấy màu dài khoảng 20 cm, một đầu dán băng dính hai mặt, trên đó ghi lại nhiệm vụ HS sẽ phải thực hiện ở nhà.

Cách sử dụng: Sau khi lựa chọn nhiệm vụ (VD: quan sát ai, quan sát cái gì,...), HS ghi lên vòng giấy một biểu tượng mình tự nghĩ ra để ghi nhớ nhiệm vụ, đeo vòng vào cổ tay mình. Đây là cách giao bài tập vui nhộn, tạo hiệu ứng cảm xúc tích cực cho buổi trải nghiệm.



– *Tờ bìa thu hoạch:* là những mẫu bìa hoặc giấy màu cắt theo những hình thù nhất định (VD: ngôi sao, đám mây, bông hoa, hình chữ nhật, tam giác, trái tim,...), có tác dụng tạo hứng thú cho HS khi thực hiện HĐTN bên ngoài lớp học.

Cách sử dụng: GV phát cho HS cuối các tiết HĐTN để HS viết, vẽ hoặc ghi trên đó các kết quả thu được qua HĐTN ở nhà hoặc ngoài lớp học.

– *Nhãn dán (Sticker):* là sản phẩm văn phòng phẩm quen thuộc, có thể dễ dàng mua được ở các hiệu sách, ở chợ,... Đó là những mẫu đề-can bằng giấy, bìa, đằng sau có băng dính hai mặt để nhanh chóng dán vào những nơi cần thiết. Có hai loại *nhãn dán*:



+ “*Nhãn dán tên*” là mẫu đề-can đủ để ghi tên HS dán lên ngực áo mỗi khi sinh hoạt ngoài trời, đi trải nghiệm, dã ngoại. “*Nhãn dán tên*” giúp GV nhanh chóng gọi tên HS, đồng thời cũng cho HS cảm giác kỉ luật hơn khi mình là một thành viên của tập thể trải nghiệm. Trong trường hợp không có *nhãn dán*, GV có thể tự làm những mẫu giấy dán bằng dính hoặc băng dính hai mặt đằng sau.

+ “*Nhãn dán quà tặng*” là những miếng đề-can nhỏ có nhiều hình thù khác nhau, được dùng làm phần thưởng để khích lệ HS. Trong hệ thống quà tặng, *nhãn dán* có thể được thay bằng *con dấu gỗ*. Mỗi HS có một cuốn sổ hoặc vở dành cho HĐTN, lưu giữ lại *nhãn dán* hoặc *con dấu* đó. Thậm chí, *nhãn dán* hay *con dấu* cũng có thể thay thế bằng mẫu giấy cắt hình bông hoa, ngôi sao hoặc GV dùng bút vẽ bông hoa tặng HS.

+ Trong các HĐGDTCĐ trên lớp, HS thu hoạch *nhãn dán* cá nhân hoặc thu hoạch theo nhóm. GV có thể có quà khích lệ cho nhóm hoặc cá nhân có nhiều *nhãn dán* (*con dấu*) trong một tiết HĐTN hoặc sau một chặng đường (một tuần, một tháng – tùy theo thoả thuận của GV với lớp; nhưng lưu ý không để thời gian quá dài, nhiều nhất là một tháng).

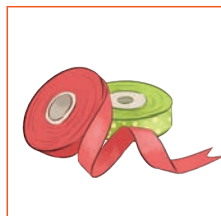
– *Quả chuông*: Một quả chuông nhỏ, tiếng chuông dùng để thay khẩu lệnh của GV, hỗ trợ kiểm soát lớp, đồng thời là cách hướng dẫn HS làm theo thoả thuận, giúp cho việc tiến hành HĐTN, đặc biệt là khi làm việc nhóm được đảm bảo thuận lợi theo đúng lịch trình thời gian đưa ra.



– *Các phương tiện đến từ cuộc sống thực tế*: Bất kì đồ vật nào quen thuộc xung quanh ta đều có thể tham gia vào HĐTN của HS. Nó có thể được sử dụng ở tất cả các thời điểm của HĐTN: dùng để khởi động, dùng để khám phá, dùng để chia sẻ, phản hồi, dùng để đánh giá,...



Cuộn len



Ruy-băng



Lõi giấy



Lá cây



Viên sỏi



Quả thông

4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Căn cứ vào đặc trưng tính chất của hoạt động trải nghiệm và những quy định ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, những quy định của Chương trình về việc đánh giá kết quả HĐTN, nhóm tác giả xin lưu ý các thầy cô giáo những điểm chính sau trong việc đánh giá HĐTN của HS tiểu học nói chung và HS lớp 4 nói riêng:

4.1. Bản chất của việc kiểm tra, đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm

4.1.1. Mục đích đánh giá

– *Đánh giá HS tiểu học* là quá trình thu thập, xử lý thông tin thông qua các hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của HS; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS; diễn giải thông tin *định tính* hoặc *định lượng* về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của HS tiểu học (trích Thông tư 27).

– Thái độ của HS đối với HĐTN sẽ thay đổi dần theo quá trình trải nghiệm, sau những phản hồi, từ đó các phẩm chất và năng lực dần dần hình thành và củng cố. Mục tiêu của HĐTN và nhiệm vụ của GV là tạo động lực để HS tham gia trải nghiệm nhiều hơn, từ trải nghiệm cùng GV và tổ đội đến trải nghiệm cá nhân ở ngoài nhà trường, từ quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao đến khi các thao tác, hoạt động trở thành kỹ năng, hành vi, thói quen và là nhu cầu của chính HS. Vì thế, việc đánh giá kết quả HĐTN bằng điểm số hoặc phân loại A, B, C có thể tạo động lực, cũng có thể làm mất động lực tham gia đối với các em, đặc biệt với những HS còn thụ động. Con số định tính với số lượng HĐTN cũng chưa chắc đã cho kết quả đánh giá chính xác bởi có thể có những yếu tố khách quan ngăn cản quá trình trải nghiệm của HS. Ngoài ra, việc thống kê số lượng HĐTN có thể dẫn đến hiện tượng hình thức, chạy theo số lượng, thành tích, từ đó không trung thực trong báo cáo. Vì thế, rất cần xác định bản chất của việc đánh giá HĐTN như sau:

- + Tạo động lực tham gia HĐTN cho HS;
- + Khuyến khích để các kỹ năng, hành động trở thành lối sống bền vững của HS;
- + HS tự hào về sự tham gia của mình, tự hào về từng thay đổi trong lối sống của mình;
- + Đánh giá hiệu quả của việc tổ chức HĐTN cho HS thông qua thái độ và mức độ tham gia của các em, giúp GV điều chỉnh, đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp giáo dục trong quá trình tiến hành HĐTN. Qua đó, GV kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của các em nhằm động viên, khích lệ và phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của HS để hướng dẫn, giúp đỡ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của HS.

4.1.2. Nội dung đánh giá HĐTN của HS tiểu học nói chung và HS lớp 4 nói riêng

– *Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình* thể hiện trong Mục tiêu của mỗi chủ đề. Các biểu hiện về những thành phần năng lực của HĐTN được cụ thể hoá trong mục Tự đánh giá sau chủ đề.

– *Đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, đánh giá định kì bằng điểm số* thông qua hoạt động chung của tổ (dự án) kết hợp với nhận xét; kết hợp đánh giá của GV, HS, cha mẹ HS, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất.

– *Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của HS*; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và mức độ tham gia HĐTN ngày càng tăng của HS; giúp các em phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh HS này với HS khác, không tạo áp lực cho HS, GV và cha mẹ HS.

4.1.3. Phương pháp đánh giá: Hoạt động đánh giá phải được tiến hành từ nhiều góc độ.

– *Tự đánh giá của HS* theo định lượng hành động với độ khó tăng dần và mức độ thường xuyên, lặp lại và theo định lượng của sản phẩm thu hoạch sau mỗi hoạt động, nhiệm vụ hoàn thành; nhóm HS tự đánh giá về mức độ tham gia, thái độ và chất lượng thực hiện dự án.

Hoạt động tự đánh giá giúp các em có khả năng tự nhận xét, tham gia nhận xét; tự giác trong các HĐTN và tự điều chỉnh thái độ, hành vi, kĩ năng trong quá trình hoạt động và chia sẻ, phản hồi về kết quả hoạt động, tăng cường rèn luyện kĩ năng giao tiếp, hợp tác.

– *Đánh giá của GV thông qua:*

+ *Phương pháp quan sát:* GV theo dõi, lắng nghe HS trong quá trình tiến hành HĐGDTCĐ và SHL, sử dụng phiếu thu hoạch, nhật kí ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình tham gia HĐTN cùng tập thể và HĐTN sau giờ học của cá nhân.

+ *Phương pháp đánh giá qua hồ sơ trải nghiệm, các sản phẩm, hoạt động của HS:*

• GV đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của HS.

• GV đánh giá theo hoạt động chung, dự án chung của tổ, lớp về mức độ và thái độ tham gia, chất lượng hoàn thành công việc (đánh giá tập thể cũng là đánh giá cá nhân), từ đó đưa ra nhận xét về năng lực thích ứng cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động của nhóm, tổ và ở từng HS.

+ *Phương pháp vấn đáp:* Thông qua những phản hồi HĐTN trong các tiết SHL và qua việc đặt câu hỏi để HS chia sẻ theo từng nội dung trải nghiệm.

– *Đánh giá của người thân* thông qua số lượng hoạt động trải nghiệm chung của gia đình; thông qua nhận xét sự thay đổi tích cực lối sống của HS và cả gia đình. Điều này được nêu rõ trong Thông tư 27 – việc người thân của HS tham gia đánh giá quá trình

và kết quả HĐTN cũng chính là tạo động lực để gia đình đồng hành cùng HS trong các hoạt động trải nghiệm sau giờ học, đồng thời khuyến khích việc cha mẹ HS tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động giáo dục HS.

4.2. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm

4.2.1. Đánh giá HĐTN từ góc độ học sinh

– HS tự đánh giá HĐTN theo định lượng hoạt động:

GV có thể đưa ra bất kì hình thức nào sáng tạo, phù hợp với HS của mình.

+ Phương án *Cây trải nghiệm* 🌳

• **Cách 1:** HS vẽ cây trải nghiệm 🌳 vào vở hoặc tờ giấy thu hoạch, đọc nội dung “Tự đánh giá sau chủ đề” trong SGK. HS tự đánh giá HĐTN của mình và cắt hoa, lá dán lên cây. Một bông hoa 🌸: Chưa hoàn thành; Hai bông hoa 🌸🌸: Hoàn thành; Ba bông hoa 🌸🌸🌸: Hoàn thành tốt; Chiếc lá 🍃: Ghi sản phẩm HS làm được.

• **Cách 2:** HS vẽ cây trải nghiệm 🌳 vào vở hoặc tờ giấy thu hoạch, đọc nội dung “Tự đánh giá sau chủ đề” trong SGK. HS tự đánh giá HĐTN của mình và cắt hoa, lá dán lên cây. Chiếc lá 🍃: Đã làm được một lần; Một bông hoa 🌸: Làm thường xuyên; Chùm ba bông hoa 🌸🌸🌸: Thực hiện hoạt động cùng tập thể hoặc người thân, hàng xóm.

+ Phương án *Hòm kho báu trải nghiệm* 🏆

Đánh giá sự tham gia trải nghiệm của HS theo mức độ khó dần hoặc thường xuyên của hoạt động. Đồng tiền vàng 🟡: Đã làm được một lần; Kim cương 💎: Làm thường xuyên; Chuỗi ngọc 🔴: Thực hiện hoạt động cùng tập thể hoặc người thân, hàng xóm.

HS chia sẻ cảm giác tự hào về bản thân chứ không so sánh ai giỏi nhất, ai nhiều vật báu nhất hay cây sum suê nhất.

– HS tự đánh giá HĐTN theo định lượng sản phẩm:

Ngoài các thu hoạch vật báu thông qua việc trả lời những câu hỏi cuối tuần, HS có thể thu hoạch thêm vật báu theo gợi ý sau:

Thu hoạch sản phẩm	Đánh giá
Làm được một tờ bìa thu hoạch có ghi chép thông tin về: – Một gia đình thương binh liệt sĩ của địa phương. – Một nghề truyền thống. – Một cảnh quan thiên nhiên.	🟡 hoặc 🍃
Quan sát cảnh vật xung quanh, quan sát một người và ghi lại được những phát hiện thú vị.	🟡 hoặc 🍃
Tự tay làm được một sản phẩm thủ công.	🟡 hoặc 🍃

Đọc được một cuốn sách.	 hoặc 
Tham gia một vở kịch, tiểu phẩm.	 hoặc 
Tham gia một câu chuyện tương tác.	 hoặc 
Tham gia trình diễn một bài thơ tương tác.	 hoặc 
Thu hoạch được một vật lưu lại từ các chuyến đi được đem đến lớp để chia sẻ như lá khô, bông hoa khô, viên sỏi, cành thông,...	 hoặc 
Vẽ được một bức tranh hoặc chụp ảnh.	 hoặc 
Cùng gia đình đến một địa điểm trải nghiệm (một cảnh đẹp, một di tích lịch sử).	 hoặc 
Tham gia khảo sát về thực trạng vệ sinh trường lớp hoặc thực trạng cảnh quan thiên nhiên và có ghi chép.	 hoặc 
Tham gia một dự án chung của tổ, lớp và được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ.	 hoặc 
Thuyết phục được người thân hoặc hàng xóm cùng tham gia hoạt động chung.	 hoặc 
Cùng người thân tổ chức được một ngày cuối tuần yêu thương.	 hoặc 

– **HS tự đánh giá HĐTN theo nhóm về mức độ tham gia, thái độ và chất lượng của dự án chung.** HS tiến hành đánh giá kết quả dự án theo ba tiêu chí:

+ Hoàn thành dự án hay chưa?  

+ Chất lượng công việc (tốt, sạch hay chưa tốt, cần cố gắng)?  

+ Thái độ của những thành viên tham gia: có trách nhiệm hay không (đúng giờ, mang đủ dụng cụ, đoàn kết và đồng thuận khi hành động)?  

4.2.2. Đánh giá từ góc độ GIÁO VIÊN

* **Đánh giá thường xuyên:**

– Đánh giá thông qua việc quan sát, ghi chép quá trình HĐTN của HS, thông qua các kết quả thu hoạch, sản phẩm của HĐTN và kết quả tự đánh giá của HS sau mỗi chủ đề. Việc đánh giá này bám sát yêu cầu cần đạt (mục tiêu) của chủ đề và đánh giá theo 3 mức độ: Chưa hoàn thành; Hoàn thành; Hoàn thành tốt.

– Đánh giá về HĐTN của HS thông qua những chia sẻ, phản hồi hành động trong các tiết SHL. Cách đặt câu hỏi dẫn dắt cho phần phản hồi, chia sẻ sau hoạt động:

- + Em đã thực hiện hay chưa thực hiện hoạt động?
- + Nếu chưa, lí do vì sao? Điều gì ngăn cản em? Em có thể nói ra để thầy cô và các bạn cùng tìm cách giúp em.
- + Nếu đã làm rồi, em thấy làm việc đó có khó không? Khi thực hiện, em cảm thấy thế nào? Thực hiện rồi, em thấy có điều gì xảy ra? (người thân, thầy cô, bác hàng xóm,... đã nói gì?)
- + Em thấy có gì khó khăn và không hài lòng không?
- + Em tự hào nhất về điều gì?
- + Em khuyên các bạn khác điều gì khi thực hiện hoạt động này?

Lưu ý 1: HS có thể đưa ra nhận xét đồng đẳng thông qua việc trả lời câu hỏi: Em thích nhất điều gì ở tổ mình hoặc bạn cùng tổ? Em học được điều gì ở các bạn hoặc một bạn cùng tổ?

Lưu ý 2: GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ các cảm xúc tích cực hoặc tiêu cực, nói ra chi tiết cách làm và cảm xúc của mình, kể được ra những khó khăn, bối rối của HS cần mọi người xung quanh cùng hỗ trợ giải quyết. GV không phê phán những HS chưa thực hiện hoạt động hoặc chưa đạt kết quả như mong đợi. GV cần tỏ ra quan tâm đến những khó khăn mà HS nêu ra, gợi ý để các HS khác đưa ra lời khuyên và bày tỏ sự tin tưởng HS sẽ làm được.

* **Đánh giá định kì thông qua dự án và các hoạt động chung** của tổ, lớp về mức độ và thái độ tham gia theo cách xếp loại A, B, C. Theo đó, kết quả xếp loại của tổ cũng là kết quả đánh giá dành cho mỗi cá nhân trong tổ.

– Kết quả đánh giá định kì dùng để điều chỉnh nội dung và phương pháp tổ chức HĐTN của GV và để phát hiện điểm cần hỗ trợ ở từng HS.

Đánh giá theo tổ, nhóm	Thảo luận trên lớp	Làm việc nhóm	Hoàn thành nhiệm vụ dự án tự đề ra	Thái độ khi tham gia dự án
Điểm A	Tham gia thảo luận tích cực	Thống nhất được với nhau về hoạt động dự án, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.	Dự án đưa ra được hoàn thành không thiếu mục nào.	Nhiệt tình, vui vẻ, đoàn kết, không cãi nhau.
Điểm B	Tham gia thảo luận chưa đều	Chưa phân công được nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.	Dự án hoàn thành một phần.	Nhiệt tình, vui vẻ, đoàn kết, không cãi nhau.
Điểm C	Ít khi tham gia thảo luận	Chưa phân công được nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.	Dự án hoàn thành một phần.	Không phải tất cả các thành viên đều tham gia; có tranh cãi mất đoàn kết.

*** Đánh giá tổng hợp: Nhận xét về năng lực thích ứng cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động ở từng HS thông qua HĐTN.**

– Nhận xét theo 3 mức độ: BIẾT → HIỂU → VẬN DỤNG.

– Nhận xét của GV dành cho từng HS dựa trên tiêu chí rèn luyện hai năng lực – năng lực thích ứng với cuộc sống và năng lực thiết kế, tổ chức hoạt động. Trong quá trình hoạt động, đặc biệt là khi muốn đánh giá sự tiến bộ của HS, GV có thể dùng những động từ phù hợp với tình huống sự phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho HS. Xin tham khảo bảng sau:

NĂNG LỰC	ĐÁNH GIÁ		
	BIẾT	HIỂU	VẬN DỤNG
Năng lực thích ứng với cảm xúc	– Kể được (việc làm hằng ngày tự phục vụ bản thân và gia đình). – Nêu được (điểm mạnh của bản thân; cảm xúc; suy nghĩ về những người xung quanh). – Nhận biết được (sở thích của mình và mọi người). – Nhận diện được (một số tình huống nguy hiểm).	– Trình bày được (nhu cầu cá nhân; những suy nghĩ của mình trước một vấn đề). – Mô tả được (cảm xúc của mình; một số thay đổi của cơ thể). – Giới thiệu được (về người thân; gia đình; bạn bè và thầy cô). – Chỉ ra được (sự khác biệt giữa cá nhân về thái độ, năng lực, sở thích,...).	– Vận động được (người thân tham gia bảo vệ môi trường, vứt rác đúng nơi quy định; tắt đèn trước khi ra khỏi phòng). – Thực hiện được (một số việc phù hợp với lứa tuổi). – Làm quen được (với bạn mới ở môi trường khác). – Lên kế hoạch được (cho một dự án,...). – Ứng phó được (với tình huống bất ngờ như trời đột ngột trở lạnh, bị lạc,...).
Năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động	– Kể được (những việc định làm). – Nêu được (việc mình có thể làm tốt nhất). – Nhận biết được (những khó khăn trong quá trình hoạt động).	– Trình bày được (kế hoạch hoạt động cá nhân, hoạt động của cả nhóm). – Mô tả được (hành động sẽ làm, công cụ để thực hiện hành động, các bước hành động). – Giới thiệu được (về ý nghĩa của hoạt động). – Thể hiện được (sự sẵn sàng hỗ trợ đồng đội trong HĐTN).	– Vận động được (các bạn trong nhóm tham gia hoạt động). – Thực hiện được (đúng kế hoạch đề ra). – Đề xuất được (các phương án giải quyết khi gặp khó khăn). – Ứng phó được (với căng thẳng, mâu thuẫn khi hoạt động nhóm).

4.2.3. Đánh giá từ góc độ NGƯỜI THÂN

– Người thân đánh giá thông qua số lượng hoạt động trải nghiệm chung của gia đình:

VD 1:

Địa điểm/ hoạt động đã cùng con trải nghiệm	Thời gian trải nghiệm (Ngày/ tháng/ năm)	Cảm nhận của người thân
1. Phân công công việc nhà cho từng thành viên trong gia đình	20h00 ngày..., tháng..., năm...	Rất vui vì các thành viên đều quyết tâm hoàn thành công việc được giao, việc không dồn vào một người trong nhà.
2. Cùng con tìm hiểu về các hành vi xâm hại trẻ em và thảo luận cách phòng tránh	10h00 sáng thứ Bảy, ngày..., tháng..., năm...	Gia đình đã nói được về... Bố mẹ cảm thấy...
3. Cùng bà con hàng xóm thực hiện tổng vệ sinh khối phố	9h00 sáng Chủ nhật ngày..., tháng..., năm...	Đã làm... Rất phấn khởi vì... Rất lo lắng vì...
4. Cùng con đi thăm nghĩa trang liệt sĩ của tỉnh.	10h00 ngày..., tháng..., năm...	Cả nhà đã... Cảm thấy...
...		

– Đánh giá thông qua nhận xét sự thay đổi tích cực lối sống của HS và cả gia đình:

Người thân của HS có thể gửi nhận xét cho GV về các vấn đề sau:

- + Con làm việc nhà (Con nhận làm việc gì? Có thực hiện đều không? Kết quả thế nào? Thái độ của con khi làm việc?);
- + Con lập và cố gắng thực hiện hoạt động theo thời gian biểu;
- + Con biết sắp xếp đồ dùng ngăn nắp;
- + Con chủ động trong các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của mình, không cần người lớn nhắc nhở;
- + Con có ý thức trong việc giữ gìn vệ sinh khi ăn uống, biết lựa chọn đồ ăn, thức uống an toàn;
- + Con quan tâm đến người thân trong gia đình: biết thói quen, sở thích, nghề nghiệp của họ;

PHIẾU VIỆC NHÀ

Họ và tên:

Học sinh lớp:

Việc nhà đã nhận	Đều đặn	Sạch, gọn, nhanh	Làm xong giặt giũ lau	Thái độ vui vẻ
Lau bàn sau bữa cơm	✓	✓	✓	✓

- + Con cùng người thân quan tâm đến việc đọc sách trong gia đình;
- + Cả nhà thường xuyên cùng nhau đi dã ngoại, đi ra ngoài thiên nhiên;
- + Cả nhà biết giảm lượng rác thải bằng cách không dùng nhiều túi ni-lông, đồ nhựa và cân nhắc khi vứt bỏ đồ cũ, mua thêm đồ mới.

...

Lưu ý:

- Càng nhiều HĐTN chung với người thân, nhận được nhiều cảm nhận của người thân, việc trải nghiệm của HS càng được coi là có chất lượng.
- *Vòng tay nhắc việc và tờ bìa thu hoạch* chính là một hình thức liên lạc giữa nhà trường và gia đình.
- Trong trường hợp người thân của HS ở vùng sâu vùng xa, không có điều kiện chia sẻ cảm xúc hoặc phản hồi lại thì GV có thể đặt câu hỏi cho HS về sự tham gia của người thân.
- GV nên phổ biến về HĐTN với cha mẹ HS qua các buổi họp, đặc biệt là buổi họp đầu năm. GV cần nhấn mạnh tầm quan trọng và ý nghĩa của HĐTN đối với các em, những năng lực và phẩm chất các em có được, rèn luyện được thông qua HĐTN, từ đó đề cao sự quan tâm, hỗ trợ của cha mẹ HS. GV cũng thống nhất với người thân của các em hình thức phản hồi, chia sẻ phù hợp nhất, không tạo áp lực cho các gia đình và có thể chia sẻ nhiều nhất có thể.

5. GIỚI THIỆU TÀI LIỆU BỔ TRỢ, NGUỒN TÀI NGUYÊN, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ GIÁO DỤC CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

5.1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách giáo viên *Hoạt động trải nghiệm 4*

SGV HĐTN 4 gồm các nội dung sau:

- Lí thuyết chung về thiết kế và tổ chức HĐTN.
- Quy trình các loại hình HĐTN.
- Phương pháp tổ chức HĐTN.
- Kế hoạch tổ chức HĐTN và kịch bản chi tiết cho các loại hình HĐTN mỗi tuần.
- Các đề xuất hoạt động mới mẻ, phong phú ngoài SGK.
- Hướng dẫn tổ chức hoạt động câu lạc bộ HS và HĐTN thực địa (đi tham quan).

5.2. Giới thiệu vở bài tập *Hoạt động trải nghiệm 4*

Vở bài tập không bắt buộc sử dụng, song có thể là tài liệu hỗ trợ việc tự trải nghiệm của HS sau giờ lên lớp:

- Gợi ý quan sát, phỏng vấn, khảo sát.

- Chỉ dẫn thực hiện hoạt động vận dụng.
- Hướng dẫn ghi chép thu hoạch: kết quả HĐTN và chia sẻ cảm xúc.

5.3. Hướng dẫn khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học

5.3.1. Giới thiệu về Hành trang số: hanhtrangso.nxbgd.vn

Hành trang số là nền tảng Sách điện tử của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền hanhtrangso.nxbgd.vn. *Hành trang số* cung cấp phiên bản số hoá của SGK theo Chương trình mới và cung cấp các học liệu điện tử hỗ trợ nội dung SGK cũng như các công cụ hỗ trợ việc giảng dạy của GV, học tập của HS.

Hành trang số bao gồm ba tính năng chính: Sách điện tử, Luyện tập và Thư viện. *Tính năng Sách điện tử* cung cấp trải nghiệm đọc và tương tác phiên bản số hoá của SGK theo chương trình mới. Trong đó, *Hành trang số* tôn trọng trải nghiệm đọc sách truyền thống với giao diện lật trang mềm mại, mục lục dễ tra cứu, đồng thời cung cấp các công cụ như: phóng to, thu nhỏ, đính kèm trực tiếp các học liệu bổ trợ lên trang sách điện tử, luyện tập các bài tập trong sách đi kèm kiểm tra đánh giá một cách trực quan,... Người dùng truy cập SGK mọi lúc mọi nơi, sử dụng đa dạng thiết bị điện thoại, máy tính bảng hay laptop, phục vụ đồng thời việc giảng dạy trên lớp và việc tự học tại nhà. *Tính năng Luyện tập* cung cấp trải nghiệm làm bài tập phiên bản số hoá đối với các bài tập trong SGK và SBT của NXBGDVN. Tính năng mang tới giao diện tối giản, thân thiện cùng các công cụ hỗ trợ hành vi tự luyện tập của người dùng như: Kiểm tra kết quả, Gợi ý – Hướng dẫn bài tập, Bàn phím ảo, tích hợp kết quả luyện tập với Biểu đồ đánh giá năng lực cá nhân. Bên cạnh hệ thống bài tập sắp xếp theo danh mục SGK, SBT, *Hành trang số* đồng thời cung cấp hệ thống bài tập Tự kiểm tra – đánh giá bám sát chương trình SGK mới, giúp người dùng trải nghiệm thêm kho bài tập bổ trợ kiến thức trên lớp. *Tính năng Thư viện* cung cấp hệ thống kho học liệu điện tử bổ trợ chương trình SGK mới. Tại đây, người dùng tiếp cận trực quan học liệu điện tử dưới ba định dạng chính: Video, Gif/ Hình ảnh, Âm thanh. Các học liệu điện tử được sắp xếp khoa học theo mục lục SGK và bám sát hình ảnh, chương trình, qua đó giúp sinh động và phong phú bài học. *Hành trang số* đồng thời cung cấp hệ thống Bài giảng tham khảo, gồm hai nội dung: Bài giảng dạng Power Point với các tương tác tham khảo được thiết kế sẵn, song hành cùng Kịch bản dạy học tham khảo. Qua đó, *Hành trang số* mong muốn hỗ trợ GV trong việc thiết kế bài giảng sử dụng học liệu điện tử.

5.3.2. Giới thiệu về Tập huấn: taphuan.nxbgd.vn

Tập huấn là nền tảng Tập huấn GV trực tuyến của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền: taphuan.nxbgd.vn. *Tập huấn* cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng nội dung và định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy chương trình SGK mới vào bất kì thời điểm trong năm học.

Việc cấp tài khoản trên *Tập huấn* được triển khai có hệ thống, cấp trên thiết lập cho cấp dưới trực thuộc: Sở GD&ĐT cấp tài khoản cho các Phòng GD&ĐT, Phòng GD&ĐT

cấp tài khoản cho Nhà trường, Nhà trường cấp tài khoản cho GV. Việc cấp tài khoản có hệ thống đảm bảo GV được định danh, nhờ vậy các cấp quản lý có thể nắm bắt, đánh giá, quản trị hiệu quả triển khai tập huấn tại địa phương.

Đối với tài khoản GV: Tính năng Tập huấn cung cấp các khoá tập huấn đối với các môn học của các bộ SGK. Các khoá tập huấn đăng tải những tài liệu tập huấn do NXBGDVN biên soạn dưới đa dạng các định dạng: Power Point, PDF/ Word, Video,... và được phân loại theo các nhóm nội dung: Tài liệu tập huấn, Bài giảng tập huấn, Tiết học minh hoạ, Video tập huấn trực tuyến, Video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,... hỗ trợ thầy cô giáo truy cập bất kì thời điểm trong năm học. Mỗi khoá tập huấn đăng tải Bài kiểm tra – đánh giá tương ứng, sau khi kết thúc khoá tập huấn, GV thực hiện Bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động.

Đối với tài khoản cấp quản lý giáo dục (Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, Nhà trường): Tính năng Tài liệu bổ sung cho phép các cơ quan quản lý giáo dục đăng tải các tài liệu tập huấn bổ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này. Tính năng Thống kê cung cấp số liệu thống kê về thông tin định danh và kết quả tập huấn của GV trực thuộc, trong đó các số liệu được hệ thống thể hiện trực quan qua bảng biểu, biểu đồ và có thể trích xuất định dạng Excel phục vụ công tác báo cáo của cấp quản lý giáo dục.

5.3.3. Giới thiệu về nguồn tài nguyên học liệu điện tử

– Nhằm phục vụ công tác tập huấn GV, NXBGDVN đã đăng tải các tài liệu tập huấn của các bộ SGK với đa dạng định dạng và nội dung như: Video tiết học minh hoạ, Tài liệu tập huấn (PDF, Power Point, Word), Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học, Bài kiểm tra – đánh giá, Video lớp học trực tuyến,... Các tài liệu được phân tách theo từng môn học, đảm bảo dễ tiếp cận và sử dụng tại bất kì thời điểm trong năm học.

– Khoản 2 Điều 2 Thông tư 12/2016/TT-BGDĐT quy định: Học liệu điện tử là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: sách giáo trình, SGK, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra đánh giá, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm ảo,... Học liệu điện tử được phân làm 2 loại: (1) Tương tác một chiều: học liệu được số hoá dưới các định dạng như video, audio, hình ảnh,... Hình thức tương tác chủ yếu giữa người học và hệ thống là một chiều; (2) Tương tác hai chiều: người học có thể tương tác hai chiều hoặc nhiều chiều với hệ thống, giảng viên và người học khác để thu được lượng kiến thức, kinh nghiệm tối đa. Các sản phẩm có thể kể đến như các sách điện tử tương tác, trò chơi giáo dục, lớp học ảo,...

– Đối với học liệu điện tử tương tác một chiều, tính tới tháng 12/2020, NXBGDVN đã đăng tải hơn 6.000 học liệu điện tử đối với 4 bộ SGK lớp 1, tổng số học liệu điện tử được đăng tải trên Hành trang số là hơn 10.000 học liệu. Định dạng đa dạng, bao gồm: video, âm thanh, hình ảnh, ảnh động, 3D, slide bài giảng tham khảo, kịch bản tham

khảo dạng Power Point và PDF,... hỗ trợ GV khai thác tối đa giá trị của bộ SGK. Đối với tương tác hai chiều, NXBGDVN đã đăng tải hơn 4.100 bài tập tương tác chương trình lớp 1, trong đó các định dạng được lập trình phong phú, theo sát nội dung bài tập trong sách, bao gồm: Trắc nghiệm một đáp án đúng, Trắc nghiệm nhiều đáp án đúng, Chọn Đúng – Sai, Điền câu trả lời vào ô trống, Điền từ vào chỗ trống, Nối hình, Select box, Tự luận.

Các học liệu điện tử đều bám sát hình ảnh và nội dung của bộ sách, tuân thủ triết lí bộ sách, tham vấn SGK, được tác giả hướng dẫn và thẩm định.

5.3.4. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên học liệu điện tử trong các hoạt động dạy học

Các thầy cô giáo có thể linh động sử dụng các nguồn tài nguyên do NXBGDVN cung cấp như sau:

- Đối với kho học liệu điện tử được đính kèm trên trang sách điện tử và được tổng hợp tại tính năng Thư viện, các thầy cô giáo có thể tải về hoặc sử dụng trực tiếp nguồn học liệu dồi dào và bổ ích này đối với việc: biên soạn giáo án, chuẩn bị bài giảng điện tử; sử dụng làm tư liệu giảng dạy trực tiếp trên lớp cho tiết học sinh động, thú vị và hiệu quả; chia sẻ hoặc tải về thiết bị cá nhân. Qua đó, nguồn tài nguyên sẽ hỗ trợ mang đến hình ảnh trực quan nhằm thu hút sự chú ý của HS và nâng cao chất lượng bài giảng.

- Đối với kho bài tập tương tác từ SGK, SBT, Hành trang số cũng cung cấp bài tập Tự kiểm tra – đánh giá tại tính năng Luyện tập. Với nguồn bài tập phong phú này, GV có thể triển khai nhiều hoạt động giảng dạy: mở trực tiếp bài tập trên nền tảng, hướng dẫn HS làm bài, tương tác, từ đó tổ chức các hoạt động nhóm, tạo không khí học tập trong lớp; giao bài tập về nhà để HS tự thực hành, ôn tập hoặc sử dụng để kiểm tra bài cũ trước khi bắt đầu tiết học; tham khảo các dạng bài tập để đưa vào bài kiểm tra – đánh giá trên lớp.

- Đối với hệ thống bài giảng điện tử dạng slide Power Point song hành là kịch bản dạy học được cung cấp tại tính năng Thư viện, các thầy cô giáo có thể tải trực tiếp về thiết bị cá nhân để trình chiếu giảng dạy trên lớp hoặc tham khảo, tự chỉnh sửa, sáng tạo bổ sung thêm đảm bảo phù hợp với phương pháp giảng dạy của cá nhân. Bài giảng điện tử đã được *Hành trang số* xây dựng hình ảnh và nội dung bám sát SGK và SGK.

- Ngoài ra các thầy cô giáo cũng được khuyến nghị sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ trên nền tảng *Hành trang số* kết hợp cùng máy trình chiếu, trong đó bao gồm các công cụ như: Luyện tập trực quan các bài tập đi kèm chấm điểm tự động; Đọc sách điện tử; Xem trực tiếp các học liệu bổ trợ được đính kèm trên trang sách điện tử,...

Như vậy, các thầy cô giáo có thể truy cập SGK mọi lúc mọi nơi với đa dạng các thiết bị: điện thoại, máy tính bàn, laptop, máy tính bảng; sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình soạn giáo án.

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM (KỊCH BẢN)

1. QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH (KỊCH BẢN) HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM VỚI 4 LOẠI HÌNH ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Quy trình *Sinh hoạt dưới cờ*

a) Quy trình tổ chức các hoạt động sinh hoạt dưới cờ theo 3 phương thức

– *Quy trình tiến hành tiết SHDC theo phương thức trình diễn sân khấu:* áp dụng với các buổi biểu diễn văn nghệ, trình diễn thể dục, nhảy múa, kịch, tiểu phẩm, đọc thơ tương tác, các loại hình sân khấu dân gian,...

TRƯỚC HOẠT ĐỘNG	TRONG HOẠT ĐỘNG	SAU HOẠT ĐỘNG
GV: – Lựa chọn chủ đề, hình thức biểu diễn. – Thiết kế kịch bản hoạt động. – Chuẩn bị phương tiện hoạt động. HS: – Luyện tập các tiết mục được lựa chọn trình diễn, biểu diễn và lời dẫn chương trình. – Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng nhóm.	Bước 1: Dẫn dắt – Dẫn dắt tương tác: GV cùng HS kết hợp dẫn dắt chương trình. – Giao nhiệm vụ hoặc đặt câu hỏi trước để định hướng hoạt động của toàn trường. Câu hỏi và nhiệm vụ mỗi khối có thể khác nhau. Bước 2: Biểu diễn – Biểu diễn hoặc trình diễn có tương tác. – Đặt câu hỏi tương tác cho HS các lớp liên quan đến nội dung biểu diễn. – Nhận đáp án, trao quà cho đại diện các lớp. Bước 3: Tổng kết – Nêu thông điệp của buổi biểu diễn. – Đưa ra biểu tượng trực quan của thông điệp. Bước 4: Cam kết hành động Gợi ý các hoạt động sau buổi SHDC và nhận lời cam kết của các lớp theo chủ đề được nhắc đến trong buổi biểu diễn hoặc tiểu phẩm.	Phản hồi: GVCN ghi nhớ nhắc nhở HS thực hiện những gì đã cam kết trong buổi SHDC và hỏi lại kết quả thực hiện vào cuối tuần hoặc cuối tháng.

– Quy trình tiến hành tiết SHDC theo phương thức Trò chuyện theo chủ đề – giao lưu nhân vật:

TRƯỚC HOẠT ĐỘNG	TRONG HOẠT ĐỘNG	SAU HOẠT ĐỘNG
GV: – Lựa chọn và tìm hiểu về nhân vật khách mời – Thiết kế kịch bản. – Chuẩn bị đạo cụ, quà tặng. HS: – Chuẩn bị lời dẫn, câu hỏi.	Đón khách: Nhóm lễ tân đón, nói lời chào mừng và dẫn khách về vị trí. Hoạt động giao lưu trên sân khấu: Bước 1: Khởi động – Giới thiệu chủ đề và nhân vật. – Hoạt động chung toàn trường hướng tới hoặc có sự tham gia của khách mời để khởi động (Hát, nhảy múa, đọc thơ,...). Bước 2: Giao lưu – Nghe câu chuyện của nhân vật. – Hoạt động cùng nhân vật: + Phỏng vấn; + Trò chơi cùng nhân vật; + Trải nghiệm là nhân vật. Bước 3: Tổng kết – Phản hồi tại chỗ: chia sẻ cảm xúc, lời cảm ơn, tặng quà. – Chốt lại thông điệp của buổi giao lưu. Bước 4: Cam kết hành động Gợi ý các hoạt động sau buổi SHDC và nhận lời cam kết của các lớp theo chủ đề được nhắc đến trong buổi giao lưu.	Phản hồi: GVCN ghi nhớ nhắc nhở HS thực hiện những gì đã cam kết trong buổi SHDC và hỏi lại kết quả thực hiện vào cuối tuần hoặc cuối tháng.

– Quy trình tiến hành tiết SHDC theo phương thức festival, ngày hội, hội chợ:

TRƯỚC HOẠT ĐỘNG	TRONG HOẠT ĐỘNG	SAU HOẠT ĐỘNG
Nhóm GV: – Lựa chọn hình thức hoạt động trên sân khấu chính: giao lưu với khách mời hoặc trình diễn. – Thiết kế kịch bản, các góc sinh hoạt theo chủ đề. – Chuẩn bị quà tặng. Các tập thể lớp: – Chuẩn bị trang trí và nội dung cho góc lớp mình được phân công. – Chuẩn bị tiết mục chia sẻ.	Bước 1 và 2: Thứ tự hoạt động có thể thay đổi – Hoạt động góc: Tùy theo nội dung để có đủ góc hoạt động, sao cho lớp nào cũng có thể được tham gia. – Hoạt động sân khấu chính: + Nếu lựa chọn giao lưu với khách mời thì quy trình thực hiện mục này THEO PHƯƠNG THỨC TRÒ CHUYỆN THEO CHỦ ĐỀ – GIAO LƯU NHÂN VẬT. + Nếu lựa chọn trình diễn tiểu phẩm tương tác hoặc biểu diễn văn nghệ thì thực hiện THEO PHƯƠNG THỨC TRÌNH DIỄN, THỂ NGHIỆM. Bước 3: Tổng kết + Phản hồi tại chỗ: chia sẻ cảm xúc và lời cảm ơn. + Tặng quà, trao phần thưởng. + Nhắc lại thông điệp của Ngày hội. Bước 4: Cam kết hành động Đưa ra cam kết các hoạt động cụ thể của tập thể lớp mình hưởng ứng dự án trường.	Phản hồi: GVCN ghi nhớ nhắc nhở HS thực hiện những gì đã cam kết trong buổi SHDC và báo cáo kết quả thực hiện vào cuối tuần hoặc cuối tháng.

b) Một số lưu ý khi lựa chọn nội dung hoạt động và thiết kế kịch bản cho tiết SHDC

– SHDC là loại hình HĐTN nhóm lớn, quy mô trường. Nội dung chủ đề của SHDC do nhà trường, các thầy cô Tổng phụ trách Đội quyết định dựa trên việc tham khảo nội dung đề xuất trong SGK, hướng dẫn quy trình và kịch bản tổ chức được gợi ý trong SGV và **tích hợp với nội dung giáo dục địa phương**. Với 35 tiết SHDC của một năm học, nên bám theo mạch nội dung lớn, nhỏ của Chương trình HĐTN để xây dựng kịch bản. Có thể sử dụng đề xuất SHDC trong SGK HĐTN ở một khối lớp bất kì để tổ chức chung cho cả 5 khối lớp. Sự khác biệt chỉ thể hiện trong kịch bản với những câu hỏi, nhiệm vụ hướng tới các độ tuổi khác nhau.

+ Nội dung về lịch sử phát triển, hình thành, truyền thống quê hương, lễ hội, phong tục tập quán địa phương, danh nhân văn hoá, địa lí dân cư, cảnh quan thiên nhiên, môi trường tự nhiên,... có thể tích hợp với các chủ đề sau của HĐTN 4: *Kết nối cộng đồng, Quê hương em tươi đẹp*;

+ Nội dung ngành nghề, làng nghề truyền thống của địa phương có thể tích hợp với chủ đề *Trải nghiệm nghề truyền thống*;

+ Nội dung giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, kĩ năng sống; xây dựng nếp sống văn minh; tôn trọng kỉ cương và pháp luật có thể tích hợp với các chủ đề *Nền nếp và tư duy khoa học, Tự lực thực hiện nhiệm vụ, Phòng tránh bị xâm hại, Kết nối cộng đồng, Mái ấm gia đình*.

– Người phụ trách soạn kế hoạch tổ chức HĐTN (kịch bản hoạt động) cho một buổi HĐTN sẽ do Nhà trường phân công. Thường sẽ là sự phối kết hợp giữa GV Tổng phụ trách Đội và một hoặc một số GV chủ nhiệm lớp trực ban (trực tuần).

– ***GV được phân công:***

+ Lựa chọn hình thức tổ chức HĐTN (một trong những phương thức: trình diễn, thể nghiệm sân khấu; trò chuyện theo chủ đề – giao lưu với nhân vật; lễ hội, ngày hội);

+ Thiết kế kịch bản;

+ Chuẩn bị đạo cụ;

+ Trao đổi kịch bản với HS lớp mình và hướng dẫn các em luyện tập.

– ***Tập thể lớp được giao nhiệm vụ trực ban sẽ:***

+ Luyện tập nếu được phân công biểu diễn văn nghệ, trình diễn tiểu phẩm, đọc thơ tương tác để chuyển tải một thông điệp;

+ Tham gia dẫn chương trình cùng thầy cô;

+ Đón, nói lời chào mừng và dẫn khách lên sân khấu nếu có khách mời;

+ Đặt câu hỏi, giao lưu với khách mời;

+ Tặng quà cho khách mời hoặc những người được mời lên sân khấu trả lời câu hỏi;

+ Tạo bối cảnh trên sân khấu bằng các đạo cụ trực quan.

– ***Trong trường hợp*** thời tiết xấu hoặc không có điều kiện tập trung toàn trường, SHDC hoàn toàn có thể chuyển đổi hình thức hoạt động theo khối lớp hoặc trong phòng chức năng theo quyết định của nhà trường.

1.2. Quy trình Hoạt động giáo dục theo chủ đề

TRƯỚC HOẠT ĐỘNG	TRONG HOẠT ĐỘNG	SAU HOẠT ĐỘNG
– Lựa chọn chủ đề và không gian sử dụng. – Thiết kế kế hoạch hoạt động (kịch bản). – Chuẩn bị phương tiện hoạt động.	Bước 1: Khởi động – Hoạt động làm tan băng, tạo cảm xúc tập trung, vui vẻ, sẵn sàng tham gia tiết trải nghiệm. – Hoạt động giúp gợi lại những kinh nghiệm cũ, những kiến thức nhận được từ các môn học khác về chủ đề. Bước 2: Khám phá chủ đề – Thực hiện hoạt động khám phá: một việc làm thực tế, một trò chơi, thảo luận theo nhóm, khảo sát,... – Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, HS quan sát, ghi chép, phân tích,... Bước 3: Mở rộng và tổng kết chủ đề – Thảo luận để chia sẻ những gì rút ra được qua quá trình hoạt động khám phá: cảm xúc, khó khăn, “bí kíp” vượt khó thành công,... – Cùng GV khái quát lại kiến thức mới, kĩ năng mới. Bước 4: Cam kết hành động Hoạt động vận dụng: HS lựa chọn, lên kế hoạch thực hiện một hoạt động vận dụng kiến thức mới vào cuộc sống thực tế của mình.	– Thực hiện hành động vận dụng đã lựa chọn: HS thực hiện những gì đã cam kết. – Thu hoạch và phản hồi: HS ghi lại những gì làm được hay không được, vì sao; cảm xúc khi thực hiện hoạt động, sau khi thực hiện; tự đánh giá.

1.3. Quy trình Sinh hoạt lớp

TRƯỚC HOẠT ĐỘNG	TRONG HOẠT ĐỘNG	SAU HOẠT ĐỘNG
– Lựa chọn chủ đề và không gian sử dụng. – Thiết kế kế hoạch hoạt động (kịch bản). – Chuẩn bị phương tiện hoạt động.	Bước 1: Hoạt động nhận xét, tổng kết tuần GV điều chỉnh thời lượng dành cho phần này tùy theo sự đòi hỏi của tình hình thực tế.	Tiếp tục hành động để có những thu hoạch, phản hồi tiếp theo.

	Bước 2: Phản hồi Chia sẻ về kết quả hoạt động, cảm xúc cá nhân sau khi thực hiện hoạt động sau giờ học là hoạt động cần thiết, không thể thiếu của HĐTN. GV có thể điều chỉnh về thời gian bằng cách thay đổi hình thức chia sẻ: theo cặp đôi, theo nhóm, tổ hoặc trưng bày, triển lãm, hoặc cùng viết, vẽ, xây dựng sa bàn, làm sơ đồ tư duy,... Bước 3: Hoạt động nhóm Hoạt động tạo cảm xúc tích cực cho tập thể lớp, giúp khắc sâu hơn những thông điệp của chủ đề HĐTN. Tuy nhiên, trong trường hợp không đủ thời gian, GV có thể hoãn lại hoạt động này để sang tiết sau. Bước 4: Cam kết hành động Sau khi chia sẻ những khó khăn, HS sẽ cam kết thực hiện cho bằng được, vượt qua khó khăn phải đối mặt. Những HS đã làm được thì cam kết tiếp tục hoạt động để tạo thành thói quen, lối sống.	
--	--	--

1.4. Nguyên tắc vận hành và quy trình tổ chức hoạt động các Câu lạc bộ cho học sinh tiểu học và các hoạt động ngoài lớp, trường học

a) Đặc điểm CLBHS lớp 4

- Các CLB dành cho HS khối 4 thường là *nhóm cộng đồng nhỏ* bao gồm những thành viên đến từ các lớp 4 trong trường. Các em tự nguyện lựa chọn theo lĩnh vực yêu thích của mình. Tuy nhiên, cũng có thể tổ chức CLB với nhiều độ tuổi khác nhau, không nhất thiết chỉ có HS của một khối lớp.
- *Một số lĩnh vực có thể đề xuất*: thể thao, đọc sách, sống thân thiện với môi trường, làm đồ chơi thủ công, làm đồ chơi khoa học, hội họa, ca hát, diễn kịch, múa hình thể, múa rối,...
- *Thời gian sinh hoạt CLB* có thể là cuối một ngày học. Buổi sinh hoạt có thể diễn ra với thời lượng dài hơn 1 tiết học: 45 đến 60 phút.

– *Không gian sinh hoạt*: thường phải được sắp xếp khác đi so với không gian học tập, được trang trí đẹp mắt, vui nhộn, tạo cảm giác thư giãn. Không gian đó có thể là thư viện thân thiện của nhà trường, phòng chức năng, hoặc một góc sân trường có bóng mát, vườn trường được quây lại riêng biệt. Ngoài ra, CLB có thể đưa HS đi thực địa theo chủ đề riêng, đến với những không gian khác lạ hơn như viện bảo tàng, phòng tranh, phòng trưng bày nghệ thuật, nhà riêng của nhân vật các em được giao lưu, công viên, thư viện thành phố,...

– *Người điều hành CLB*: CLB là nơi HS có được khoảng tự do nhất định để thể hiện bản thân, vì thế, người điều hành CLB phải được tập huấn kỹ về kỹ năng sư phạm (nếu đó không phải GV trong trường, mà là người bên ngoài được mời đến trường tổ chức hoạt động CLB) để có thể khuyến khích các em không ngại tham gia, không ngại sáng tạo và đưa ra những ý kiến táo bạo, thú vị, mới mẻ của mình.

– *Các hoạt động CLB* thường phải được theo dõi, truyền thông, phản hồi kịp thời trong nội bộ trường, thông qua bảng tin, website, các tiết SHDC, các ngày hội lớn của trường,... tạo điều kiện cho các em được chia sẻ những điều mới mẻ học được với các bạn khác, đóng góp cho các hoạt động chung của trường. Tổ chức các hoạt động triển lãm, biểu diễn, các hoạt động theo dự án để làm phong phú thêm nội dung sinh hoạt của CLB – đó cũng là cách khuyến khích các em tham gia trải nghiệm cuộc sống nhiều hơn, trở nên năng động hơn trong học tập.

– *Xây dựng và vận hành các CLB* ở cơ sở nghĩa là tổ chức những cộng đồng nhỏ theo từng lĩnh vực, sinh hoạt thường kì theo một quy trình nhất định, lấy nội dung liên quan đến lĩnh vực đó làm trung tâm để lôi cuốn HS cùng tham gia. Nhất thiết phải có ít nhất là 2 GV (hướng dẫn viên) phụ trách một CLB để hỗ trợ, trao đổi với nhau, giữ được sự liên tục của các hoạt động trong mọi hoàn cảnh khách quan – phương án tối ưu là các GV có kỹ năng sư phạm tốt.

– *Cơ sở vật chất* tối thiểu, không hào nhoáng phức tạp nhưng luôn hướng đến việc phát triển mỹ cảm của HS, sắp xếp ngăn nắp, xinh xắn. Có một khoản ngân sách nhất định để chi tiêu cho CLB (học liệu, quà tặng, nước uống, liên hoan,...).

– Các hướng dẫn viên phải *thống nhất về quy trình hoạt động, quy trình tiến hành một buổi sinh hoạt*, có kịch bản. Nội dung sinh hoạt phải được lên kế hoạch trước và được chuẩn bị kỹ lưỡng.

– Hướng dẫn viên phải *nghiên cứu rõ trình độ đối tượng* về lĩnh vực hoạt động của CLB, trình độ về diễn đạt và kỹ năng sống như vốn từ, các thói quen, thú vui, hoàn cảnh sống,... để có thể đưa ra các bài tập, hoạt động phù hợp.

– *Duy trì đều đặn* các buổi sinh hoạt chung theo lịch trình và tăng dần độ dày, nhưng vẫn chú trọng chất lượng hơn số lượng. Lịch sinh hoạt được xác định và không thay đổi trong một thời gian dài để tạo thói quen cho HS.

- Luôn lưu ý đến cảm nhận cá nhân và sức khoẻ thể chất của HS, không áp đặt, ép buộc khi các em có biểu hiện mệt mỏi, không hợp tác. Không nói “phải làm” mà luôn “mời” tham gia.
- Có chế độ khen ngợi bằng hệ thống phần thưởng riêng.
- Nội dung sinh hoạt CLB có thể chia sẻ và kết nối với nội dung SHDC với hình thức biểu diễn văn nghệ, tiểu phẩm, câu chuyện tương tác, trò chuyện theo chủ đề – giao lưu nhân vật.
- Tổ chức giao lưu, chia sẻ giữa các CLB trong trường hoặc khối 4 của các trường khác.

b) Quy trình tổ chức một buổi sinh hoạt CLBHS

TRƯỚC BUỔI SINH HOẠT	TRONG BUỔI SINH HOẠT	SAU BUỔI SINH HOẠT
Lựa chọn: – Không gian sinh hoạt. – Nội dung sinh hoạt. – Đạo cụ cho các trò chơi. Chuẩn bị: – Lên chương trình, kịch bản. – Đạo cụ kĩ thuật. – Nhãn dán (sticker) ghi tên và nhãn dán quà tặng. – Điện thoại, máy ảnh để lưu lại hình ảnh hoạt động (thường xuyên cập nhật dữ liệu để truyền thông nội bộ, báo cáo hoạt động). – Phân công nhiệm vụ giữa hai người hướng dẫn.	Bước 1: Khởi động – Trò chơi. – Đặt câu hỏi tạo động lực. Bước 2: Hoạt động chính – Thực hiện hoạt động chính theo lĩnh vực của mình (tùy từng lĩnh vực mà có dạng hoạt động đặc thù). – Có thể chia nhóm, chia đội để hoạt động. Bước 3: Tổng kết bằng một cuộc thi: – Tùy theo lĩnh vực mà có hoạt động tổng kết đặc thù. Có thể tạo một cuộc thi nhỏ cuối buổi sinh hoạt: chia nhóm để hát, múa; chia nhóm để sáng tạo hoặc cùng thực hiện một hành động thách thức nào đó do người hướng dẫn đặt ra cho thành viên CLB. – Trao nhãn dán, quà tặng, phần thưởng. Bước 4: Cam kết hành động Gợi ý và nhận lời cam kết hành động của HS tạo động lực cho hoạt động lần sau (VD: sẽ đọc tiếp cuốn sách, sẽ tưới cây, sẽ làm một đồ chơi khoa học, sẽ vẽ một bức tranh nhỏ, sẽ quan sát một đối tượng,...).	Sản phẩm: Luôn có một sản phẩm hoặc vòng tay nhắc việc đi kèm để ghi lại lời cam kết ấy bằng các biểu tượng.

2. CÁC KỊCH BẢN MINH HOẠ

2.1. Kịch bản *Sinh hoạt dưới cờ* theo mô hình “trò chuyện theo chủ đề – giao lưu nhân vật”

THẾ GIỚI NGHỀ NGHIỆP QUANH EM

Chủ đề: Trải nghiệm nghề truyền thống

Nội dung đề xuất: Trò chuyện cùng thầy cô và các cô bác nhân viên trong trường về công việc của họ

Lớp dẫn dắt hoạt động: 4A1

Người thiết kế kịch bản và dẫn dắt: GV chủ nhiệm lớp 4A1 phối hợp với GV Tổng phụ trách Đội

Yêu cầu cần đạt:

- Biết được những công việc khác nhau trong nhà trường.
- Tìm hiểu để hiểu rõ hơn về những công việc đó.

Không gian sư phạm: Trên sân khấu.

Phương tiện hoạt động: Micro, loa, đài, sticker quà tặng.

Khách mời: 3 khách mời có thể là thầy, cô giáo trong trường, bác bảo vệ, cô lao công hoặc thầy, cô giáo phụ trách thư viện, nhân viên bếp ăn của trường,...

Người dẫn dắt chương trình giao lưu: GV cùng một nhóm HS.

Thời lượng: Từ 35 phút trở lên. Tùy theo thời lượng thực tế do nhà trường sắp xếp mà GV điều chỉnh kịch bản cho hợp lí.

2.1.1. Trước hoạt động

GV, nhà trường:

- Lựa chọn và tìm hiểu về nhân vật:
- + Tìm hiểu các nghề nghiệp, người làm nghề trong trường mình, đặc biệt là những công việc ít người để ý tới.
- + Tìm hiểu về nhân vật: Liên lạc với ba khách mời. VD: Cô giáo phụ trách thư viện, nhân viên bếp ăn nhà trường, bác bảo vệ.
- Thiết kế kịch bản: đề xuất, thảo luận trước với nhân vật về các câu hỏi, lựa chọn một số tình huống mà các cô, bác gặp khi làm việc tại trường chuẩn bị cho phần trải nghiệm cùng nhân vật,... để phối hợp nhịp nhàng trong buổi giao lưu.

HS:

- Chuẩn bị:
- + GV chia sẻ thông tin về nhân vật, những điều thú vị nhất có thể gây cảm hứng cho HS tìm hiểu thêm về nhân vật;

+ GV yêu cầu mỗi HS chuẩn bị một câu hỏi nếu được hỏi nhân vật, khuyến khích những câu hỏi thú vị để có thêm thông tin về nhân vật;

+ GV đề nghị HS chuẩn bị quà tặng: GV hướng dẫn, gợi ý để HS chuẩn bị giấy cảm ơn và một món quà nhỏ.

– Phân công nhiệm vụ: GV hướng dẫn để HS tự phân công thành các nhóm làm các nhiệm vụ khác nhau: viết lời cảm ơn, làm quà tặng (dây hoa, bông hoa giấy cài áo, một cái vòng bằng len đeo vào tay hoặc cổ,...), lễ tân, đón khách, kịch bản câu hỏi nếu có.

2.1.2. Trong hoạt động

@ Đón khách

Nhóm lễ tân đón khách, tặng quà nhân vật. (Nên để HS tự thực hiện cùng 1 – 2 thầy cô để thể hiện sự trân trọng nhân vật). Khi nhân vật bước vào khu vực tổ chức giao lưu, nhóm HS đợi sẵn để nói lời chào mừng và đeo dây hoa cho từng khách mời. GV cùng đón khách với HS.

@ Hoạt động giao lưu trên sân khấu:

– Khởi động (5 phút):

+ GV giới thiệu ý nghĩa, nội dung của buổi giao lưu, mời các vị khách lên sân khấu, đồng thời giới thiệu tập thể lớp đồng hành với mình dẫn chương trình giao lưu. (HS lớp 4A1 dắt khách mời lên sân khấu)

+ GV dẫn dắt: Các bạn hãy kể tên những nghề xuất hiện trong trường của chúng ta nhé. (Mời 3 – 4 HS trả lời). Ở trường không chỉ có các thầy, cô mà còn có các cô, bác sẽ làm việc, hỗ trợ chúng ta. Vì thế, hôm nay, trường ta sẽ cùng giao lưu, chia sẻ với các cô bác làm những công việc lặng lẽ này.

+ GV đề nghị HS vỗ tay chào mừng các cô bác bằng ngôn ngữ kí hiệu. (Hai tay để hai bên, lắc bàn tay tạo những bông hoa, chuỗi vỗ tay)

– Câu chuyện của nhân vật (5 phút):

+ GV mời các cô, bác trò chuyện với HS về mình, về lí do đã lựa chọn và gắn bó với công việc đang làm;

+ Các cô bác đặt câu hỏi xem HS bên dưới xem các bạn có biết rõ tên của những người đang làm cùng nghề với mình trong trường.

– Hoạt động cùng nhân vật (10 phút):

+ **Phỏng vấn:** HS dẫn chương trình cùng GV đặt câu hỏi cho khách mời. GV mời HS bên dưới đặt câu hỏi. Câu hỏi của HS đã có kịch bản sẵn; câu hỏi của GV có thể ứng biến tùy theo sự phát triển của nội dung giao lưu. VD câu hỏi dành cho bác nhân viên bếp ăn: Khi làm công việc nấu ăn cho HS, bác thấy điều gì khó nhất?

+ Trải nghiệm là nhân vật:

• Khách mời sẽ chọn mỗi khối lớp một HS lên sân khấu trải nghiệm một tình huống trong nghề. Mỗi nhóm nhận được nhiệm vụ đó là một tình huống có thể xảy ra với khách mời khi làm việc. HS sẽ đóng vai để xử lí tình huống.

- HS các nhóm sẽ bàn bạc, thảo luận để tìm ra cách giải quyết. Trong lúc đó, GV mời các khách mời và HS toàn trường cùng xem lớp 4A1 biểu diễn 1 – 2 tiết mục văn nghệ.

@ Tổng kết:

- Phản hồi tại chỗ: cảm xúc và lời cảm ơn (5 phút).
- + GV đề nghị 1 – 2 em chia sẻ cảm xúc.
- + Tặng món quà bằng những tấm bìa trái tim do các em HS làm sẵn, có ghi tên từng khách mời.
- + GV và HS dẫn chương trình nói lời cảm ơn khách mời.
- Đề xuất ý tưởng tổ chức một ngày dành cho những cô bác làm nghề lặng lẽ đã và đang cống hiến cho nhà trường. Có thể là ngày 20 – 11 hoặc ngày thành lập trường để tất cả HS trong trường có dịp chúc mừng, thể hiện lòng biết ơn với thầy cô và các cô bác làm các công việc khác trong trường.

2.1.3. Sau hoạt động

Cam kết và thực hiện hành động: GV đề nghị HS các lớp tìm hiểu thêm về một công việc trong trường thông qua các cô bác nhân viên đang làm việc đó và các thầy, cô giáo của mình.

2.2. Kịch bản Hoạt động giáo dục theo chủ đề



ĐỀN ƠN ĐÁP NGHĨA

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

HS tích cực tham gia vào các hoạt động đền ơn đáp nghĩa và giáo dục truyền thống ở địa phương.

KHÔNG GIAN SỬ DỤNG

Trong lớp học, bàn ghế kê thành dãy và theo nhóm khi cần.

PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG

Giấy A4 phát đủ cho HS.

GỢI Ý CÁC BƯỚC HOẠT ĐỘNG

1. KHỞI ĐỘNG

Phương án 1: Lắng nghe ca khúc “Lá cờ” (Tác giả: Tạ Quang Thắng) hoặc “Giai điệu tự hào” (Tác giả: Phạm Hồng Biển) hoặc một ca khúc nói lên cảm xúc tự hào về nguồn cội

Bản chất hoạt động: Tạo không khí hào hùng, thể hiện niềm tự hào về nguồn cội, biết ơn khi được sống trong hoà bình,...

Tổ chức hoạt động:

- GV mời HS nghe bài hát, đu đưa theo lời hát.
- Mời HS chia sẻ cảm xúc của mình khi lắng nghe những ca từ và giai điệu của bản nhạc.

Phương án 2: Chơi trò chơi Đuổi hình đoán chữ

Bản chất hoạt động: Tạo không khí vui tươi, dẫn dắt HS thể hiện niềm biết ơn và tự hào trước sự hi sinh của thế hệ đi trước.

Tổ chức hoạt động:

– GV thiết kế các hình ảnh để trình chiếu trên màn hình. Nếu không có hình ảnh, có thể dùng động tác cơ thể để diễn tả câu ca dao, tục ngữ thể hiện niềm tự hào, lòng biết ơn.

Gợi ý: Diễn tả câu ca dao tục ngữ “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” thông qua hình ảnh gợi ý: Hình ảnh 1 – ăn, hình ảnh 2 – quả, hình ảnh 3 – mặt người với đám mây suy nghĩ trên đầu, hình ảnh 4 – người, hình ảnh 5 – cây mọc trên đất.

– GV hỏi HS ý nghĩa của câu ca dao tục ngữ này. GV cho HS nêu thêm những câu ca dao tục ngữ có ý nghĩa tương tự và đặt câu hỏi: Người xưa nói những câu này nhằm mục đích gì?...

Kết luận: Dân tộc Việt Nam có một lịch sử hào hùng, đất nước chúng ta đã phải trải qua nhiều cuộc kháng chiến với bao lớp người hi sinh để dành được độc lập. Mỗi người Việt cần có lòng biết ơn và bày tỏ sự tri ân với những đóng góp, hi sinh anh dũng của lớp người đi trước để có được hoà bình ngày hôm nay.

2. KHÁM PHÁ CHỦ ĐỀ

*** Chia sẻ về những hoạt động đền ơn đáp nghĩa ở địa phương**

Bản chất hoạt động: HS nhắc lại những hoạt động đền ơn đáp nghĩa ở địa phương mà mình biết hoặc từng tham gia.

Tổ chức hoạt động:

– GV mời một vài HS kể về hoạt động đền ơn đáp nghĩa mà mình biết hoặc đã từng tham gia theo gợi ý:

+ Đó là hoạt động gì? Diễn ra khi nào?

+ Những ai tham gia vào hoạt động đó? Em có tham gia không? Nhiệm vụ của em là gì?

+ Theo em, tại sao hoạt động đó lại được tổ chức? Nêu ý nghĩa của những hoạt động tương tự.

+ Nêu cảm xúc của em khi tham gia hoạt động.

+ Qua hoạt động, em học thêm được điều gì, kĩ năng gì?

– GV phát giấy, mời HS vẽ và sáng tác thơ hoặc viết một câu văn, đoạn văn để nói về ý nghĩa của các hoạt động đền ơn đáp nghĩa.

Kết luận: “Uống nước nhớ nguồn” là truyền thống quý báu của dân tộc ta từ bao đời nay.

3. MỞ RỘNG VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

*** Tìm hiểu về gia đình thương binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng ở địa phương**

Bản chất hoạt động: HS lên kế hoạch tìm hiểu được thông tin cụ thể về gia đình thương binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng ở địa phương.

Tổ chức hoạt động:

– GV mời HS chia sẻ theo nhóm thông tin về những tấm gương thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng ở địa phương mà mình biết:

+ Nguồn thông tin được lấy từ đâu? *Gợi ý: Tìm bác tổ trưởng hay bác phụ trách Hội cựu chiến binh tại địa phương để thu thập thông tin...*

+ Những thông tin cần tìm hiểu về các tấm gương thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng là gì? *Gợi ý: Địa chỉ cụ thể của nhân vật; đóng góp của nhân vật ấy; hoàn cảnh gia đình hiện tại của nhân vật;...*

– GV cho các nhóm tập hợp thông tin tìm hiểu được.

– GV mời từng nhóm chia sẻ về kết quả hoạt động của nhóm mình.

Kết luận: Lòng biết ơn không chỉ thông qua lời nói mà còn cần được thể hiện bằng những hành động cụ thể và thiết thực.

GV cũng có thể đọc một bài thơ nói về những người đã hi sinh cho độc lập, tự do của dân tộc.

Ví dụ:

MỖI SỚM DẬY...

Mỗi sớm dậy nghe lòng rộn rã
Tiếng chim reo, nắng gió xôn xao
Nghe râm ran đâu ngò những lời chào
Và lời chúc một ngày hạnh phúc!

Những buổi sớm không tự nhiên có được
Sớm bình yên, êm ái trong đời

Không tiếng khóc than, đạn nổ, bom rơi
Bao người đã ra đi, bao người ngã xuống...

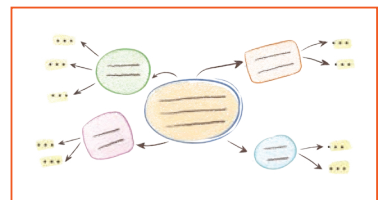
Máu đã thấm từng bờ tre, thửa ruộng
Từng con đường ta bước thân thương,
Xóa dấu vết chiến tranh, đau khổ
Để hôm nay em vui bước đến trường...

(Thụy Anh)

4. CAM KẾT HÀNH ĐỘNG

– GV đề nghị HS mời người thân cùng tìm hiểu thêm thông tin về gia đình thương binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng ở địa phương.

– GV lưu ý HS về cách thức để lưu trữ và ghi nhớ các thông tin mình thu thập được:



2.3. Kịch bản Sinh hoạt lớp



UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

HS xây dựng được kế hoạch và phân công nhiệm vụ thực hiện hoạt động đền ơn đáp nghĩa và giáo dục truyền thống ở địa phương.

KHÔNG GIAN SỬ DỤNG

Trong lớp học, bàn ghế kê thành dãy.

PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG

- Bản báo cáo kết quả tìm hiểu thông tin về gia đình thương binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng của mỗi nhóm.
- Tờ bìa màu cho mỗi nhóm.

GỢI Ý CÁC BƯỚC HOẠT ĐỘNG

1. HOẠT ĐỘNG TỔNG KẾT TUẦN

GV tổng kết các hoạt động trong tuần và dự kiến hoạt động tuần sau.

2. CHIA SẺ THU HOẠCH SAU TRẢI NGHIỆM

*** Chia sẻ thông tin tìm hiểu được về gia đình thương binh, liệt sĩ hoặc gia đình có công với cách mạng ở địa phương**

Bản chất hoạt động: HS trình bày kết quả việc thu thập thông tin các gia đình thương binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng ở địa phương.

Tổ chức hoạt động:

GV lần lượt mời các nhóm trình bày kết quả thu thập thông tin về gia đình thương binh, liệt sĩ hoặc gia đình có công với cách mạng ở địa phương:

- Cách thức lấy thông tin.
- Ấn tượng của các thành viên khi thu thập thông tin về các gia đình.
- Cảm xúc khi được lắng nghe câu chuyện về các nhân vật.

Kết luận: GV mời HS thảo luận theo nhóm để lựa chọn một gia đình trong số đó để thực hiện hoạt động đền ơn đáp nghĩa:

- Nêu lí do lựa chọn gia đình đó.
- Hoạt động đền ơn đáp nghĩa nhóm dự kiến thực hiện.

3. HOẠT ĐỘNG NHÓM

*** Lập kế hoạch thực hiện hoạt động đền ơn đáp nghĩa và giáo dục truyền thống ở địa phương**

Bản chất hoạt động: HS lên kế hoạch cụ thể cho một hoạt động thiết thực để hưởng ứng phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” và thể hiện tinh thần “Uống nước nhớ nguồn”.

Tổ chức hoạt động:

– GV đề nghị HS suy nghĩ và đề xuất các hoạt động đền ơn đáp nghĩa và giáo dục truyền thống địa phương mình có thể tham gia thực hiện. Dẫn dắt HS đưa ra những công việc cụ thể HS có thể đảm nhiệm.

Gợi ý:

+ Dâng hương đài tưởng niệm liệt sĩ nhân ngày 27 – 7: Quét dọn vệ sinh, chuẩn bị hương hoa,...;

+ Thăm hỏi và tặng quà gia đình thương binh liệt sĩ, bà mẹ VN anh hùng tại địa phương: Vẽ tranh, làm thơ, hát múa, tặng quà, nói lời chia sẻ,...;

+ Tham gia hoạt động bảo tồn các di tích lịch sử, văn hoá ở địa phương: Vẽ tranh cổ động tuyên truyền gìn giữ, bảo tồn các di tích; làm góc thông tin giới thiệu về di tích; làm phim ngắn hoặc slide trình chiếu giới thiệu nét đẹp trong lịch sử, văn hoá;...

– GV mời HS có chung kế hoạch hoạt động về cùng nhóm với nhau và thống nhất kế hoạch cụ thể để thực hiện hoạt động đền ơn đáp nghĩa và giáo dục truyền thống của nhóm mình:

+ Xây dựng kế hoạch chi tiết với nội dung hoạt động, địa điểm và thời gian thực hiện.

+ Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong nhóm.

+ Liệt kê những đồ dùng, dụng cụ cần chuẩn bị.

+ Yêu cầu về trang phục khi tham gia hoạt động: Lịch sự, trang trọng, phù hợp với địa điểm và nội dung tổ chức hoạt động.

Kết luận: GV chúc các cá nhân hoàn thành nhiệm vụ đã được nhóm phân công và chúc các nhóm hoàn thành kế hoạch mình đã đề ra.

4. CAM KẾT HÀNH ĐỘNG

GV khuyến khích HS mời bạn bè, người thân cùng tham gia thực hiện kế hoạch đền ơn đáp nghĩa với nhóm mình.

2.4. Kịch bản sinh hoạt Câu lạc bộ học sinh

*** KỊCH BẢN MẪU MỘT BUỔI SINH HOẠT CÂU LẠC BỘ MÔI TRƯỜNG – EM HỌC SỐNG XANH**

CHỦ ĐỀ: Ủ PHÂN HỮU CƠ BẰNG RÁC THẢI NHÀ BẾP

I – MỤC TIÊU CỦA BUỔI SINH HOẠT

HS biết phân loại chất thải hữu cơ và lọc các loại rác hữu cơ có thể sử dụng làm phân ủ hữu cơ.

II – CÔNG VIỆC TRƯỚC BUỔI SINH HOẠT

1. Lựa chọn

– Không gian sinh hoạt: Bếp ăn nhà trường và vườn trường hoặc nơi sân trường rộng thoáng.

– Nội dung sinh hoạt: *Ủ phân hữu cơ bằng rác thải nhà bếp.*

2. Chuẩn bị

– Đồ dùng và dụng cụ:

+ Thùng xốp có nắp đáy cỡ 40x60x40cm (rộng x dài x cao của thùng xốp);

+ Bình ô-doa tưới cây;

+ Cuốc xẻng làm vườn loại nhỏ để cào và đảo trộn;

+ Găng tay cao su;

+ Kéo;

+ Nhiệt kế.

– Nguyên liệu: 3 – 5kg chất thải hữu cơ từ nhà bếp; rơm rạ/ vỏ trứng/ lá cây khô/ xơ dừa/ trấu. Chế phẩm sinh học EMUNIV: 1 túi dạng bột 200g.

– Người hỗ trợ: GV môn công nghệ hoặc chuyên gia môi trường đến hỗ trợ.

– Nhờ các bác nhà bếp để lại thức ăn thừa ở mặt bàn, không đổ chung vào một xô để HS tiến hành hoạt động phân loại.

III – CÔNG VIỆC TRONG BUỔI SINH HOẠT

1. Khởi động

Hát và vận động theo bài hát “Chiếc bụng đói” (Nhạc sĩ: Tiên Cookie)

– GV mời HS nghe và cùng làm các động tác vui theo nhạc bài hát “Chiếc bụng đói” (Nhạc sĩ: Tiên Cookie).

– GV nói về việc để không lãng phí đồ ăn, ngoài việc ăn hết khẩu phần và theo khả năng của mình, mỗi chúng ta còn có thể biến một số loại thực phẩm thải trong nhà bếp thành phân hữu cơ để bón cho cây cối và hoa.

2. Hoạt động chính của buổi sinh hoạt

Hoạt động 1: Phân loại chất thải hữu cơ nên và không nên sử dụng để làm phân ủ hữu cơ

– GV cùng HS di chuyển đến phòng bếp của nhà trường.

– GV giới thiệu với HS về những loại chất thải hữu cơ nên sử dụng để làm phân ủ hữu cơ.

+ Tất cả các loại rau và hoa quả thừa, các loại rau quả sau khi ép lấy nước còn lại vỏ,...

+ Những loại thực phẩm làm từ bột mì. GV hỏi HS những loại thực phẩm nào làm từ bột mì? (Bánh mì, bánh quy,...)

+ Các loại ngũ cốc đã được nấu chín hoặc chưa nấu chín. GV mời HS kể tên một số loại ngũ cốc mà mình biết. *Gợi ý:* Các loại hạt đậu, hạt điều,...

– GV hỏi HS về một số loại đồ ăn làm từ thịt, cá, các sản phẩm từ sữa và chứa dầu mỡ có nên sử dụng hay không và vì sao? HS có thể đưa ra dự đoán của mình.

GV giới thiệu, những loại thực phẩm thừa làm từ thịt, cá, sữa, chứa nhiều dầu mỡ không được sử dụng để ủ phân hữu cơ vì những loại thực phẩm này phân huỷ chậm, dễ thu hút các loài động vật gặm nhấm, ròi và khiến quá trình ủ phát sinh mùi hôi, thối.

– GV mời HS tiến hành phân loại chất thải hữu cơ thừa lại sau bữa ăn ở trong nhà bếp của trường. Những loại chất thải có thể sử dụng ủ phân hữu cơ sẽ nhặt riêng, những chất còn lại đổ vào xô thức ăn thừa (có thể làm thành thùng nước gạo để có thức ăn cho lợn ở trường nếu nhà trường có nuôi hoặc người dân xung quanh).

Lưu ý: GV có thể chia bảng phân loại chất thải hữu cơ để giúp HS dễ dàng ghi nhớ những thực phẩm không thể sử dụng để làm phân hữu cơ.

Hoạt động 2: Thực hành ủ phân hữu cơ từ rác thải nhà bếp

– GV chia từ 4 – 5 HS/nhóm và đề nghị HS kiểm tra lại đồ dùng:

+ Hộp xốp;

+ 3 – 5kg rác thải từ nhà bếp đã được phân loại (nếu chưa đủ GV có thể cho HS cắt thêm cỏ ngoài vườn trường);

+ Găng tay cho từng HS.

– GV hướng dẫn từng bước cho HS theo những thao tác sau:

+ Bước 1: Lấy thùng xốp và dùng kéo tạo các lỗ thủng trên nắp thùng để tạo chỗ lưu thông không khí;

+ Bước 2: Phân loại các nguyên vật liệu ủ được thành hai loại vật liệu: Vật liệu xanh (thức ăn của vi sinh vật) và Vật liệu nâu (chất độn).

Trong đó:

- Vật liệu xanh là rác hữu cơ đã được lọc ở hoạt động trên của HS gồm những vật liệu phân huỷ nhanh, cung cấp độ ẩm và khoáng chất cho phân ủ.

- Vật liệu nâu là rơm rạ, cây khô, vỏ trứng gồm những vật liệu phân huỷ chậm hơn, có tác dụng bổ sung chất xơ và carbon cho phân ủ.

Chú ý: GV sử dụng thẻ từ VẬT LIỆU XANH và VẬT LIỆU NÂU để giúp HS dễ dàng ghi nhớ thông tin.

+ Bước 3: Đánh đồng – Rải nguyên liệu từng lớp, cứ một lớp vật liệu xanh lại rải một lớp vật liệu nâu. Rải xen kẽ chế phẩm sinh học theo từng lớp. *Lưu ý:* độ dày mỗi lớp từ 5 – 10cm. Các vật liệu nếu quá to có thể dùng kéo cắt nhỏ hơn cho dễ dàng phân huỷ. Khi đã rải hết nguyên liệu, đẩy đồng ủ lại.

+ Bước 4: Chọn khu vực đặt hộp ủ phân hữu cơ để tiện theo dõi và tiếp tục nhiệm vụ ở bước tiếp theo.

– GV đề nghị HS quan sát và ghi chép màu sắc của các chất sử dụng làm phân ủ hữu cơ vào sổ ghi chép của mình.

Hoạt động 3: Kiểm tra và duy trì độ ẩm của hộp ủ phân hữu cơ

– GV đề nghị các nhóm HS phân công người phụ trách cứ 3 ngày lại kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm của hộp ủ phân một lần và lưu ý HS quan sát để ghi chép sự thay đổi của các nguyên liệu làm phân hữu cơ (về màu sắc, mùi,...).

– GV hướng dẫn HS về quy trình kiểm tra đồng ủ:

+ Nhiệt độ hộp từ 50 – 70 độ C.

+ Độ ẩm: Duy trì độ ẩm khoảng 60%.

• Trong quá trình ủ, kiểm tra bằng cách dùng tay nắm hỗn hợp rác, nếu có nước rỉ qua kẽ tay, cần bổ sung trấu hoặc xơ dừa vào đồng ủ để CÂN BẰNG ĐỘ ẨM trong đồng ủ.

• Nếu nắm xong, thấy rác tươi và rời rạc, cần bổ sung độ ẩm trong đồng ủ bằng cách cấp thêm nước, lưu ý thêm nước vừa đủ để hỗn hợp đủ kết dính, không rỉ nước là độ ẩm đạt yêu cầu.

+ Sử dụng xẻng nhỏ để đảo trộn đồng ủ 3 ngày 1 lần (không mở nắp thùng ủ liên tục sẽ ảnh hưởng đến độ ẩm và nhiệt độ của phân ủ).

+ Thời gian ủ từ 30 – 45 ngày. Phân ủ đúng quy trình sẽ có màu nâu, mùi giống mùi đất, mùn và tươi xốp.

3. Báo cáo kết quả thực hành, quan sát và tổng kết

– GV mời từng nhóm HS chia sẻ về kết quả thực hành và quan sát quá trình ủ phân hữu cơ mà nhóm mình thực hiện. Khuyến khích HS chia sẻ về những thành quả, khó khăn mình gặp phải khi tiến hành ủ phân hữu cơ từ rác thải nhà bếp.

– GV cùng HS mang sản phẩm phân ủ hữu cơ mình đã làm để tặng các bác làm vườn hoặc trực tiếp mang phân hữu cơ ra bón cho cây trong vườn trường.

IV – CÔNG VIỆC SAU BUỔI SINH HOẠT

1. Cam kết hành động

GV gợi ý để các nhóm vẽ lại quy trình ủ phân hữu cơ từ rác thải nhà bếp theo cách riêng của nhóm mình và chia sẻ với người thân cũng như bạn bè để cùng thực hiện.

2. Sản phẩm

HS cùng người thân hoặc các bạn hàng xóm thực hiện ủ phân hữu cơ để chăm sóc cho vườn cây của gia đình, thôn xóm, khu phố của mình.

2.5. Kịch bản trải nghiệm thực địa

*** KỊCH BẢN MẪU MỘT BUỔI TRẢI NGHIỆM THỰC ĐỊA**

TRẢI NGHIỆM “BÍ MẬT CHUỒN CHUỒN TRE”

I – MỤC TIÊU BUỔI TRẢI NGHIỆM

– HS được khám phá một trong những nghề truyền thống của nước ta – nghề làm chuồn chuồn tre.

– HS được thực hành một số công đoạn trong quá trình sản xuất một con chuồn chuồn tre và khám phá được “bí mật” để con chuồn giữ thăng bằng.

– HS hiểu được công sức lao động của nghệ nhân, từ đó trân trọng những sản phẩm họ làm.

Thời gian: 7:30 – 13:00, ngày ... tháng ... năm ...

Địa điểm: Làng nghề Thạch Xá, xóm chùa Tây Phương, huyện Thạch Thất, Hà Nội.

Khách mời: Nghệ nhân Nguyễn Văn Tái và gia đình.

II – CÁC CÔNG VIỆC TRƯỚC BUỔI TRẢI NGHIỆM

1. Công việc chuẩn bị của GV

a) Liên hệ:

- Liên hệ với ban tổ chức để thống nhất ngày giờ diễn ra buổi giao lưu và kịch bản chương trình giao lưu cùng Nghệ nhân Nguyễn Văn Tái.
- Liên hệ với cha mẹ HS: Thông báo lịch trình chính của buổi trải nghiệm, thời gian bắt đầu, kết thúc, những nhiệm vụ HS cần tìm hiểu trước khi tham gia trải nghiệm.
- Phân công người hỗ trợ: 3 GV cùng 5 cộng tác viên là cha mẹ HS hoặc sinh viên hỗ trợ.

b) Đồ dùng cần chuẩn bị:

- Đồ dùng phía gia đình nghệ nhân chuẩn bị:
 - + Nguyên liệu làm chuẩn chuẩn tre: thân chuẩn, cánh chuẩn, keo dính với số lượng đủ 1 con/ HS;
 - + Màu vẽ, bút lông, ống rửa bút;
 - + Các mẫu chuẩn chuẩn tre đã vẽ.
- Đồ dùng lớp chuẩn bị:
 - + Túi thuốc sơ cứu, kem chống nắng, ô, khăn giấy, khăn ướt;
 - + Máy ảnh;
 - + Mi-crô cài;
 - + Còi, chuông cho GV và người hỗ trợ kiểm soát HS.
 - + Bóng gai tương tác;
 - + Thẻ từ;
 - + Nước uống, đồ ăn nhẹ cho HS;
 - + Nhãn dán tên, nhãn dán quà tặng;
 - + Quà tặng cho các nghệ nhân: hoa hoặc đồ thủ công, thiệp do HS làm.

2. Công việc chuẩn bị của HS

a) Nhận thông tin:

GV cung cấp cho HS thông tin về buổi trải nghiệm thực địa với chủ đề: **Bí mật chuẩn chuẩn tre.**

b) Nhận nhiệm vụ:

- *Nhiệm vụ 1.* Hỏi trước và lắng nghe ý kiến của ông bà, bố mẹ về chuẩn chuẩn tre. Em đã từng nhìn thấy chuẩn chuẩn tre ở đâu; thử dự đoán các bước làm chuẩn chuẩn tre và đặc biệt là “bí mật” sẽ khám phá trong hành trình trải nghiệm này.

– *Nhiệm vụ 2.* Chuẩn bị hành trang cho buổi học thực địa gồm:

- + 01 cuốn sổ, bút để ghi chép;
- + 1 bình nước cá nhân;
- + Ô hoặc mũ đội đầu che nắng;
- + Trang phục thoải mái, dễ hoạt động.

3. Di chuyển

– *Phương tiện di chuyển* sẽ được lựa chọn tùy khoảng cách. Nếu điểm xuất phát xa, GV cần liên hệ thuê xe.

– *Hoạt động trong thời gian di chuyển:* Nếu đi ô tô và di chuyển lâu trên đường, GV chuẩn bị trò chơi, câu đố vui, gợi ý phán đoán của HS về địa điểm sắp tới thăm.

III – CÁC CÔNG VIỆC TRONG BUỔI TRẢI NGHIỆM

1. Khởi động

– GV dẫn dắt và giới thiệu về làng nghề truyền thống làm chuồn chuồn tre, về gia đình nghệ nhân Nguyễn Văn Tái cùng các loại chuồn chuồn tre khác nhau.

– GV cho HS được quan sát một con chuồn chuồn tre đã hoàn thiện để HS có thể đoán xem để làm ra một sản phẩm như vậy, người nghệ nhân cần thực hiện những công đoạn nào.

2. Hoạt động khám phá

Khám phá cách lắp ráp các bộ phận và trang trí một con chuồn chuồn tre.

– Nghệ nhân sẽ giới thiệu về cách chọn tre, các bước sơ chế để tạo ra thân chuồn, cánh chuồn, cách ghép nối với “bí mật” làm thế nào để con chuồn chuồn tre đậu được trên mọi bề mặt.

GV chuẩn bị các thẻ từ : TRE, TRỌNG TÂM, ĐIỂM ĐẶT, THĂNG BẰNG.

– Các nhóm được quan sát nghệ nhân trực tiếp hướng dẫn ghép thân và cánh chuồn chuồn vào nhau bằng keo, kiểm tra con chuồn chuồn đã ghép đúng, thăng bằng chưa. HS có thể đặt câu hỏi trong quá trình quan sát nghệ nhân thao tác từng bước.



Nghệ nhân hướng dẫn HS ghép thân và cánh chuồn chuồn.

Ảnh: CLB Đọc sách cùng con

- GV nhắc lại các bước tạo ra một con chuồn chuồn tre, đặc biệt là cách kiểm tra độ thẳng bằng của con chuồn chuồn tre.
- HS thực hiện ghép cánh vào thân chuồn.

Lưu ý:

- Các GV, CTV và nghệ nhân có thể hỗ trợ HS trong quá trình thực hiện.



Thử thách sự thẳng bằng của chuồn chuồn tre to.

Ảnh: CLB Đọc sách cùng con

3. Cuộc thi

Trang trí chuồn chuồn tre của riêng mình

- Mỗi HS sáng tạo và trang trí con chuồn chuồn tre gỗ mình vừa ghép được.
- Sau khi trang trí xong, HS mang chuồn chuồn ra phơi khô theo hướng dẫn của nghệ nhân.

Lưu ý: GV và cha mẹ HS hỗ trợ HS trong quá trình thực hiện.

- Nghệ nhân đánh giá, nhận xét và tặng phần thưởng cho những HS ghép được con chuồn chuồn tre giữ được thẳng bằng và trang trí thú vị, sáng tạo.
- Tổng kết, trao giải cho các cá nhân; chụp ảnh kỉ niệm cùng nghệ nhân.





*HS cùng vẽ chuồn chuồn
và mang ra giá phơi khô.
Ảnh: CLB Đọc sách cùng con*

Thu hoạch và vĩ thanh

GV phát tờ bìa trái tim để HS viết hoặc vẽ bất kì điều gì bày tỏ cảm xúc của mình về buổi trải nghiệm. HS có thể tặng lại cho các nghệ nhân hoặc dán tất cả những trái tim đó lên một tờ bìa lớn để giữ kỉ niệm về chuyến đi.

Tự do trải nghiệm

HS mang những món quà nhỏ tự tay làm đến tặng các nghệ nhân, các em có thể tự đặt thêm các câu hỏi phỏng vấn; quan sát và xin phép chụp ảnh cùng nghệ nhân.



*Thử tài giữ thăng bằng
như những chú chuồn chuồn tre.
Ảnh: CLB Đọc sách cùng con*

IV – CÁC CÔNG VIỆC SAU BUỔI HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

1. Chia sẻ thu hoạch của buổi trải nghiệm

- Hoạt động này diễn ra vào cuối buổi trải nghiệm hoặc tiết SHL của tuần tiếp theo.
- Nội dung: Chia sẻ về những điều khiến em ấn tượng nhất trong buổi trải nghiệm, những cảm xúc và suy nghĩ của em về nghề làm chuồn chuồn tre.
- Hình thức chia sẻ:
- + Vẽ, viết lên tờ bìa hình con chuồn chuồn lời cảm ơn các nghệ nhân và cảm xúc của mình;



*Công đoạn tạo nên một con chuồn chuồn tre.
Ảnh: CLB Đọc sách cùng con*

- + Viết lại những công đoạn để tạo nên một con chuồn chuồn tre hoàn thiện.

2. Sản phẩm

- HS mang sản phẩm chuồn chuồn tre do chính mình lắp ghép và trang trí về tặng người thân.
- HS lên kế hoạch cùng người thân khám phá xem quanh ta có những sự vật nào cũng cần có sự thăng bằng như chuồn chuồn tre.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: TRẦN HÀ ANH

Thiết kế sách: NGUYỄN THUYẾT LOAN

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Sửa bản in: TRẦN HÀ ANH

Chế bản: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

– Sách điện tử: *hanhtrangso.nxbgd.vn*

– Tập huấn online: *taphuan.nxbgd.vn*

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4**

BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Mã số:

Inbản, (QĐ) khổ 19 x 26.5cm

Đơn vị in: địa chỉ

Số QĐXB: .../CXBIPH/.../GD

Số ĐKXB: /QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...